

Mục lục

Mục lục	1
Lời nói đầu	2
Tiểu sử Bồ tát Quảng Đức.....	5
Công đức xây dựng và trùng tu	
14 ngôi chùa	15
Lời Tâm Huyết của Người.....	41
Di bút của HT.Thích Quảng Đức.....	43
Niên biểu Bồ tát Quảng Đức	47
Thế giới nhìn về Người	50
Ngày tháng và sự kiện.....	57
Những lời châu ngọc.....	86
+ HT. Thích Đức Nhuận.....	88
+ Vũ Hoàng Chương-Lửa từ bi.....	89
+ Tỷ kheo Thích Trí Quang.....	92
Trái Tim vì sao không cháy.....	96
Trái Tim hiện nay ở đâu?	101
Phụ lục : Hình ảnh Tư Liệu	106

Lời nói đầu

*“ Có những phút làm nên lịch sử,
Có cái chết hoá thành bất tử,
Có những lời hơn mọi bài ca,
Có con người như chân lý sinh ra.... ”*

Nhà thơ Tố Hữu đã viết những dòng thơ này để ca ngợi con người liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi, nhưng riêng tôi lại muốn mượn những lời thơ này để nhận định và tán thán công đức Bồ Tát Thích Quảng Đức, người đã trọn đời âm thầm hoằng dương chánh pháp, từ các tỉnh miền Nam Trung bộ vào các tỉnh miền Nam, qua cả đến Cambodia, Lào và Myanmar, Miến Điện ... để tu học và hoằng pháp độ sanh.

Đời Ngài là một tấm gương mẫu mực về đạo hạnh, đi tu từ năm lên 7, theo khổ hạnh đầu đà (khất

thực), âm thầm xây dựng và trùng tu 31 ngôi chùa : 14 ngôi chùa ở miền Trung và 17 ngôi chùa ở miền Nam.

Nhưng tấm gương phi thường của Ngài chỉ xuất hiện vụt lên dữ dội, trong những phút giây lịch sử, trong cuộc đấu tranh sống còn của Phật giáo năm 1963, như đứng vụt dậy từ lòng đất, trong hình ảnh một vị Bồ Tát từng địa dũng xuất ở Phẩm thứ 15 của Kinh Pháp Hoa đã nói.

Cái chết của Ngài như làn sóng điện lan truyền khắp năm châu, hình ảnh của Ngài được đăng tải trên hầu hết các báo ở Âu Mỹ, nhiều bình luận gia đã xem sự hy sinh của ngài như tiếng chuông báo tử cho chế độ nhà Ngô. Từ đó dẫn đến cuộc lật đổ chế độ bạo quyền, kỳ thị tôn giáo ... của các tướng lãnh Sài Gòn (1/11/1963), chấm dứt một mùa pháp nạn của Phật giáo Việt Nam.

Hình ảnh của Ngài ngày nay là biểu tượng cho tinh thần vô úy, cho sức mạnh đấu tranh Phật giáo, tô thắm thêm nét son vào trang sử đẹp của Đạo Phật và dân tộc Việt Nam.

Để tán thán công đức của Ngài, tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của một vị Bồ tát, biết bao bài viết, bài nghiên cứu, hội nghị khoa học... đã được tổ chức. Gần đây nhất là Hội thảo Khoa học về Bồ tát

Quảng Đức được tổ chức tại Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam cuối tháng 5/2005, ngoài mục đích tưởng niệm sự hy sinh cao cả và vĩ đại của Bồ tát, hội thảo còn nhằm tập hợp các tư liệu để chúng ta có những hiểu biết mới, chỉnh sửa những sai lạc trước đây. Và tập Kỷ yếu khoa học **Bồ Tát Quảng Đức-Ngon lửa và Trái tim** đã được ra đời vào tháng 1/2006.

Nhưng vì số lượng ấn bản hạn chế, nên chưa phổ biến được trên khắp mọi miền đất nước, vả lại, tài liệu mang tính khoa học cao nên quần chúng bình dân ít biết đến. Chúng tôi xin tình nguyện làm người chiến sĩ bình dân học vụ nên cố gắng sưu tập, biên tập và đơn giản hoá (lược trích) để đưa câu chuyện lịch sử này đến mọi tầng lớp quần chúng nhân dân cho ai nấy cùng được đọc, hiểu biết thêm về lịch sử, kính ngưỡng về một vị Bồ tát vị pháp thiêu thân trong mùa pháp nạn 1963, hiểu biết đúng về phong trào đấu tranh Phật giáo luôn bảo vệ lẽ phải, công bằng xã hội và Phật giáo luôn gắn liền với mỗi bước thăng trầm của lịch sử dân tộc Việt Nam.

1. Tiểu sử Bà Tát Quảng Đức

Hoà thượng Thích Quảng Đức tên thật là Lâm Văn Túc (có bản viết là Lâm Văn Tuất) sinh năm 1897 (Đinh Dậu) tại làng Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hoà. Ngài sinh trưởng trong một gia đình có 7 anh chị em, thân sinh là cụ Lâm Hữu Ứng và cụ bà Nguyễn Thị Nương. Ngài được song thân cho phép xuất gia từ khi lên 7, thụ giáo với Hoà thượng Như Đạt Giải Nghĩa Hoàng Thâm, trụ trì chùa Long Sơn, là cậu ruột, được Hoà thượng nhận làm con, đổi tên là Nguyễn Văn Khiết. Năm 15 tuổi, ngài thọ giới Sa di, năm 20 tuổi thọ giới Tỳ kheo và Bồ tát giới, được pháp danh Thị Thủy, pháp tự Hạnh Pháp, pháp hiệu Quảng Đức. Khi thọ giới

xong, ngài phụ trách nhiệm vụ trị sự chùa Long Sơn, để giúp cho bổn sư của mình lúc ấy đã già. Khi bổn sư viên tịch vào năm 1921 và thọ tang xong, Ngài phát nguyện nhập thất tu ba năm trên ngọn Núi Đất ở Ninh Hoà. Về sau, vào năm 1935 Ngài có lập trên núi này một ngôi chùa lấy hiệu là Thiên Lộc Tự.

Rời Núi Đất, ngài vân du hành đạo một mình với chiếc bình bát, sống cuộc đời giản dị, thanh đạm của một tu sĩ theo hạnh đầu đà (khất thực). Hai năm mãn nguyện, Ngài lại quay về nhập thất tại chùa Sắc tứ Thiên Ân ở tại Ninh Hoà. Năm 1932, Hội An Nam Phật học ra đời, Đại Lão Hoà thượng Hải Đức đến nơi Ngài đang nhập thất thăm hỏi và mời Ngài đảm nhận chức Chứng Minh Đạo Sư cho Chi Hội Phật Học Ninh Hoà. Ba năm sau Ngài được thỉnh giữ chức vụ Kiểm Tăng cho Tỉnh Hội Phật Giáo Khánh Hoà. Trong thời gian hành đạo, hoằng pháp tại miền Nam Trung bộ, Ngài đã kiến tạo và trùng tu tất cả 14 ngôi chùa (có tài liệu chú thích về 14 ngôi chùa trong phần sau).

Năm 1948⁽¹⁾ ngài rời Khánh Hòa vào Nam, ròng rã 20 năm, đi khắp các vùng Sài Gòn, Gia Định, Định Tường, Tây Ninh, Bà Rịa xuống đến Hà Tiên, ngài cũng đã từng sang Cao Miên (Nam Vang) lưu trú ba năm, vừa giáo hoá các Phật tử kiều bào, vừa nghiên cứu kinh điển Pali và Phật giáo Nam tông...

⁽¹⁾ Trong tài liệu Danh Tăng Việt Nam Tập I, ghi là 1943, nhưng trong Kỷ Yếu Khoa học **Bồ Tát Quảng Đức-Ngọn lửa và Trái tim**, Viện Nghiên Cứu Phật học Việt Nam, NXB, Tổng hợp TP.HCM, ghi 1948.

Lúc mới vào Nam, Ngài đã lưu trú tại chùa Long Vĩnh (Quận 3, Sài Gòn) một thời gian dài, nên Phật tử các nơi cũng gọi Ngài là Hoà Thượng Long Vĩnh. Ngài còn có hiệu là Thích Giác Tánh. Suốt thời gian hoá độ chúng sinh, bất cứ nơi nào Ngài cũng làm tròn nhiệm vụ của một sứ giả Như Lai, kế tục các thế hệ Tổ sư truyền giáo, chăm lo tô bồi công đức để hoằng dương chánh pháp.

Năm 1953, Ngài được thỉnh cử vào chức vụ Phó Trị sự và Trưởng Ban Nghi Lễ Giáo hội Tăng Già Nam Việt, đồng thời lãnh nhiệm vụ trụ trì chùa Phước Hoà ở Bàn Cờ, là nơi đặt trụ sở đầu tiên của Hội Phật Học Nam Việt.

Năm 1958 khi trụ sở của Hội Phật học được dời về chùa Xá Lợi, Ngài nhận thấy tuổi đã già sức đã yếu, và với bản nguyện “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”, Ngài xin thôi mọi chức vụ để có đủ thì giờ an tâm tu niệm. Tuy nhiên, với bản tâm từ bi hỷ xả, Ngài vẫn để gót chân được vân du hành đạo, ghi dấu ở nhiều nơi: khi

thì ở chùa Quán Thế Âm (Gia Định), lúc ở chùa Long Phước, xã Ninh Quang, Tỉnh Khánh Hoà... dùng mọi phương tiện để thích ứng tùy duyên hoá đạo, hướng dẫn hậu sinh mê mờ quay về nẻo chánh. Nhưng ngôi chùa ngài thường trú lâu nhất là chùa Long Vĩnh (Phú Nhuận). Ngôi chùa cuối cùng ngài dừng chân là chùa Quán Thế Âm (đường Nguyễn Huệ, Quận Phú Nhuận, Tỉnh Gia Định, nay đã được đổi tên là đường Thích Quảng Đức) trước khi ngài thực hiện hạnh Vị Pháp Thiêu Thân, một khổ hạnh bố thí ba la mật của vị Bồ Tát.

Đọc tiểu sử của ngài tôi có thể quên đi nhiều chi tiết, nhưng vẫn còn đọng lại trong trí tôi những gì gần gũi và gắn bó với thời thơ ấu của tôi: Ngài đã từng trụ trì chùa Phước Hoà ở Bàn Cờ (ở gần nhà tôi, đã từng là trụ sở Hội Phật Học Nam Việt, nay đã trở thành chùa ni), đã từng tham gia trong Hội Phật Học Nam Việt, đã từng viết những câu di cảo để lại đời sau khiến trái tim thơ dại thời bấy giờ của chúng tôi buồn đứt ruột

***“Đệ tử hôm nay nguyện đốt mình
Làm đèn soi sáng nẻo vô minh ...”***

Ngài thực sự đã thắp lên ngọn đuốc soi đường giữa đêm dài tăm tối của vô minh hận thù, thiên kiến đang bao trùm lên đất nước ta. Ngọn đuốc làm bừng tỉnh

lương tri của nhân loại, khiến cả thế giới đang hướng về đất nước Việt Nam đau khổ, cả chính quyền đương thời cũng bàng hoàng rúng động. Sự rúng động sâu xa này còn kéo dài đến tận 36 năm sau trong tâm thức ray rứt hối hận của một người đàn bà lộng lẫy, đây uy quyền lúc đó - bà “cố vấn” Trần Thị Lệ Xuân trong một lời tuyên bố, tôi tình cờ đọc được trên báo Úc đầu năm 1999 “ ... sau 36 năm khép mình trong nếp sống tu viện ở La Mã, nay tôi có rất nhiều điều muốn nói trước đồng bào, nhưng điều đầu tiên tôi muốn nói là : tôi xin sám hối trước linh hồn Hoà Thượng Thích Quảng Đức về những lời tuyên bố vô ý thức... của tôi năm 1963” ...

Khi đó, cuộc đấu tranh của Phật giáo đang hồi sục sôi lửa bỏng, sự hy sinh đấu tranh “vị pháp thiêu thân” của Ngài càng thêm yếu tố quyết định đưa đến sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm những tháng sau đó. Đối với người con Phật hành động của ngài thật liêm liệt, phi thường..., hành động của đức vô úy, Đấu chiến thắng Phật.

Trong cuộc đấu tranh của Phật giáo chống chính sách kỳ thị tôn giáo, gia đình trị của chế độ Ngô Đình Diệm vào mùa Phật đản năm 1963, đòi tự do tín ngưỡng và bình đẳng tôn giáo, Ngài vẫn tích cực tham gia dù tuổi đã già. Chính sách kỳ thị tôn giáo và đàn áp Phật tử

của Ngô Đình Diệm ngày một nặng nề và khốc liệt. Cờ Phật giáo bị cấm treo trong Đại lễ Phật Đản, máu Phật tử đã đổ ở Đài Phát thanh Huế, chùa chiền bị phong tỏa, Phật tử bị bắt bớ khắp nơi . Năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo đã đưa ra nhưng vẫn chưa được chính quyền thực thi đáp ứng.

Trước tình hình đó, Hoà Thượng Thích Quảng Đức về ngụ tại chùa Ấn Quang để tiện bề tham gia tranh đấu. Ngày 27 tháng 5 năm 1963 ngài viết thỉnh nguyện thư gửi Tổng trị sự Giáo hội tăng già Việt Nam xin tự đốt mình để bảo vệ chánh pháp. Mặc dù không được giáo hội chấp thuận nhưng ngài vẫn quyết tâm thực hiện ý nguyện.

Thời gian này, chính quyền Ngô Đình Diệm trước áp lực của Quốc tế và phong trào đấu tranh Phật Giáo đã phải ký vào bản tuyên ngôn ngày 10/5/1963 để giải quyết các nguyện vọng chính đáng của Phật Giáo. Nhưng trên thực tế, đến ngày 9/6/1963, sau nhiều lần thảo luận giữa Ủy Ban Liên phái Bảo Vệ Phật giáo và Ủy Ban Liên bộ của chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn không đem lại một kết quả nào! Hành động đàn áp và khủng bố vẫn tiếp tục gia tăng.

Nhận định tình hình đấu tranh của Phật giáo sẽ ngày càng bế tắc, nếu không có những hành động mạnh

mẽ hơn. Ngài quyết định chọn lựa pháp bố thí ba la mật tự thiêu đốt nhục thân của mình để cúng dường chư Phật và bảo vệ đạo pháp. Ngài cũng nhận ra tám thân ngũ uẩn chỉ là giả tạm, cốt làm sao cho chánh pháp được trường tồn, đó mới là hạnh nguyện cao cả để phục vụ chân lý bất diệt.

Cho nên, nhân cuộc diễu hành của gần 1000 tăng ni Phật tử, sau khi lễ Phật tử Phật Bửu Tự đường Cao Thắng, đoàn đi qua các ngã đường Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt (nay là Nguyễn Đình Chiểu và Cách Mạng Tháng Tám) vào sáng ngày 20 tháng Tư nhuận năm Quý Mão (tức ngày 11/6/1963), Ngài quyết định vị pháp thiêu thân. Ngài tự tẩm xăng ướt đầm áo cà sa và ngồi kiết già, tay bắt ấn cam lộ, tay kia châm lửa. Ngọn lửa bốc cao phủ kín thân ngài. Mọi người quì cả xuống, tiếng nức nở xen lẫn tiếng niệm Phật, tụng kinh cả một vùng. Ngài vẫn ngồi yên như vào đại định. Mười lăm phút sau nhục thể ngài ngã xuống. Bầu trời Sài Gòn đang nhộn nhịp sinh hoạt như lặng đi chìm xuống cảnh ảm đạm thê lương, như báo trước những điều “không bình thường” sắp xảy ra đối với chế độ nhà Ngô.

Chiều ngày 11/6/63, chính quyền Ngô Đình Diệm đã ra lệnh phong tỏa các chùa, nhất là chùa Xá Lợi nơi đặt thi hài Hoà Thượng. Cảnh sát được huy

động để ngăn chặn làn sóng người đang từ khắp mọi nẻo đường đổ về đây. Ảnh của Hoà Thượng ngồi yên như tượng đá trong ngọn lửa hồng được đăng tải trên khắp các báo năm châu, như một làn sóng điện lan truyền cực nhanh làm sôi nổi dư luận trong và ngoài nước. Mục sư Donalds Harrington (Mỹ) đã xem cái chết của Hoà Thượng Thích Quảng Đức giống như cái chết của Chúa GiêSu, Michel Servetus, Jeanne d'Arc. Ông còn nhận định “*sự tự thiêu của Ngài đã cứu vớt bao sinh linh đang chìm đắm trong khổ hận :kẻ đàn áp cũng như kẻ bị đàn áp đều bình tĩnh... Ngài đã tô đậm nét son vào trang sử huy hoàng của Phật Giáo và dân tộc Việt.*”

Điều kỳ diệu nhất là sau khi hoá thiêu Ngài còn để lại cho đời một quả tim “kim cương bất hoại”, dù đã được thiêu lại nhiều lần ở nhiệt độ cực cao, nhưng trái tim vẫn không thể nào huỷ diệt. Trái tim xá lợi đó chính là di chúc về lòng thương yêu bất diệt, như ý nguyện của ngài đã dặn dò cùng đồng đạo và tăng chúng. Ngay cả đối với chế độ bạo tàn, kỳ thị Ngô Đình Diệm Ngài cũng không một lời oán trách, chỉ mong “*...Phật tổ gia hộ cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên ngôn.Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc. Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng Thống Ngô Đình*

Diệm nên lấy lòng bác ái, từ bi đối với quốc dân và thi hành chánh sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở” ... Chính lời di chúc không một chút lòng sân hận gởi triều đại nhà Ngô đã giúp ta cảm nhận được tấm lòng của một bồ tát vị pháp thiêu thân, ngài đang thực hiện tinh thần Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự (phẩm thứ 23 của Kinh Pháp Hoa) để thức tỉnh lương tri kẻ cầm quyền đang bị hôn ám trong vô minh của hận thù, quyền lực và bè nhóm. Từ đó, khẳng định lẽ tình thương tất thắng, hận thù phải thua,

Đức vô úy của nhà Phật được thể hiện sâu sắc trong hành động vị pháp thiêu thân của Ngài. Đối với dư luận quốc tế, sự hy sinh của Hoà Thượng Thích Quảng Đức “*không những chỉ chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm, mà còn có ý nghĩa chống lại sự bất công, bất chính trên toàn thế giới... Với hành động lặng thinh, không nói một lời, một vị Hoà Thượng Việt Nam đã nêu một tấm gương sáng rúng động, một kháng nghị cao đẹp, lộng lẫy, chống lại mọi sự xấu xa đê hèn của loài quỷ sứ đang còn tồn tại trong thế giới này”*. Họ cũng thừa nhận “*đây là trạng thái mới lạ và huyền ảo của tinh thần bất bạo động. Nó chứng tỏ rõ rệt uy quyền tối thượng của tinh thần mà không một bạo lực nào có thể làm suy giảm hay khuất phục được...”*”

Đức vô úy lẫm liệt của Ngài cùng với cuộc đấu tranh bất khuất của Phật giáo Việt Nam đã sản sinh cho đất nước ta một vị Bồ Tát. Và danh hiệu **Nam mô Đại hùng Đại lực Quảng Đức Bồ tát** ra đời từ đó. Tôi xin mượn một khổ thơ của thi sĩ Vũ Hoàng Chương trong bài Lửa Từ Bi làm lời kết :

*... bóng người vượt chín tầng mây
Nhân gian mát rượi bóng cây Bồ Đề
Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc,
Lúa hay tre, nào khiến bút ai ghi,
Chỗ Người ngồi : một thiên thu tuyệt tác,
Trong vô hình sáng chói nét từ bi....”*

Lửa từ bi của Hoà Thượng Thích Quảng Đức, ngọn lửa đấu tranh cho hoà bình và công bằng xã hội... mãi mãi soi đường cho Phật giáo và dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

1. Đạo Phật và Giòng Sứ Việt -Đức Nhuận -Viện Triết lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới-1996
2. Việt Nam Phật Giáo Sử luận III, Nguyễn Lang, Lá Bối Paris 1985
3. Di chúc của hoà Thượng thích Quảng Đức
4. Ngọn Lửa Quảng Đức -Tỳ kheo Thích Trí Quang
5. Bồ tát Quảng Đức sống mãi với lịch sử Việt Nam - Lê Cung

6. Ánh đức Quảng Đức – Hoà Thượng Thích Đức Nhuận
7. Trái Tim Xá Lợi bất diệt của Bồ tát Thích Quảng Đức- Trịnh Hải (3)-(7) www.quangduc.com

2. Công đức xây dựng và trùng tu 14 ngôi chùa ở Tỉnh Khánh Hoà

(Phỏng theo tài liệu của Thích Như Hoàng, trong tài liệu Kỷ Yếu *Bồ Tát Quảng Đức-Ngọn Lửa và Trái Tim*, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam-NXB.Tổng Hợp TP.HCM 01/2006)

Nhiều bài nghiên cứu đã viết về cuộc đời sự nghiệp, sự hy sinh Vị pháp thiêu thân của Bồ Tát Quảng Đức. Riêng trong việc xây dựng chùa , đào tạo tăng tài, truyền bá giáo lý cho Phật tử, Ngài cũng thể hiện tinh thần từ bi nhập thế vô cùng tích cực. Trong cuộc đời tu học và hoằng pháp, Ngài đã khai sơn và tạo dựng tất cả 31 ngôi chùa . Góp phần tìm hiểu thêm về vấn đề này, chúng tôi sưu tập được tài liệu của Thích Như Hoàng về 14 ngôi

chùa ở miền Nam Trung bộ liên quan đến Bồ Tát Quảng Đức khi tu học, độ sinh tại Tỉnh Khánh Hoà.

1. CHÙA SẮC TỬ LONG SƠN :

Tại Ấp Phú Cang I, Xã Vạn Phú, Huyện Vạn Ninh.
(Ngôi chùa đầu tiên mà Bồ Tát Thích Quảng Đức đã xuất gia, tu học)

Chùa được Tổ Hoằng Thâm (Như Đạt Giải Nghĩa Hoằng Thâm) khai sơn vào năm Thành Thái thứ 10 (tức 1899). Năm 1905, lúc Ngài lên 7 tuổi, cha mẹ Ngài là cụ Lâm Hữu Ứng và cụ bà Nguyễn Thị Nương, quyết định đem gởi Ngài cho Tổ Hoằng Thâm- là anh thứ ba của mẹ, cũng là cậu ruột của Ngài. Sở dĩ các cụ quyết định như vậy là vì thuở nhỏ Ngài thường hay đau yếu (Các cụ có tất cả 7 người con, thì 5 người đã qua đời từ rất sớm vì đau yếu bệnh tật). Các cụ nghĩ rằng chỉ có cách gởi cho chùa làm con Phật thì mới hy vọng Ngài hết bệnh mà sống được.

Khi Ngài được gọi cho Tổ Hoằng Thâm, ở chùa Long Sơn, thì Tổ cho xuất gia và đổi tên là Nguyễn Văn Khiết (theo họ của ông) và đặt pháp danh là Thị Thủy.

Từ lúc Ngài vào chùa xuất gia, thì tình trạng đau yếu cũng bớt dần. Nhận được sự giáo hoá của Tổ Hoằng Thâm, sự hiểu biết của Ngài về kinh, luật, luận càng được nâng cao. Trong hành trình tu đức, Ngài cũng được tổ chỉ dạy về các phương pháp tu luyện theo mật giáo.

Ngoài việc học tập kinh điển, những bản ngữ lục thiền tông, học tập tư tưởng của các thiền sư nổi tiếng trong tông phái như : Tổ Pháp Thân, Đạo Minh, Tổ Toàn Nhật, Quang Đài...phương pháp tu đức của Tổ Hoằng Thâm, Ngài còn tham gia lao động làm ruộng, làm vườn, chăn trâu bò cho chùa. Sở dĩ Tổ nuôi nhiều trâu bò là vì cần dùng trâu bò trong việc cày bừa ruộng đất cho chùa, cần phân của chúng để tưới bón cho việc canh nông và trồng trọt. Lúc bấy giờ, chùa Long Sơn có rất nhiều ruộng vườn và đất đai.

Tổ Hoằng Thâm là vị bổn sư đầu tiên đã có công xây dựng cho Ngài ngay từ những năm tháng đầu tiên của cuộc đời xuất gia, những phẩm chất cao quý của một bậc đại nhân.

Hiện nay, chùa còn lưu giữ một số ấn dấu về mật chú của Tổ Hoằng Thâm với nhiều kinh điển bằng Hán

Văn, bản khắc chú vãng sanh và một số chứng từ ruộng vườn đất đai của chùa Long Sơn trong thời kỳ Tổ còn tại thế.

Chùa Long Sơn còn lưu giữ một Đại Hồng Chung đường kính 49cm, cao 90 cm do Tổ Hoằng Thâm đúc vào ngày 28 tháng 3 năm Duy Tân thứ hai (tức 1907). Trên Đại Hồng Chung có một văn bản ghi tên các vị tăng ni Phật tử đóng góp công đức và dấu tích :

*Đại Nam quốc, Khánh Hoà tỉnh, Ninh Hoà phủ,
Phước Tường tổng, Phú Cang thôn*

*Cổ tự Long Sơn trụ trì hiệu Hoằng Thâm cung
ngành ... Linh Sơn yết ma hiệu Thiên Quang chứng minh.*

2. CHÙA LINH SƠN

*(Tại bán đảo Cam Ranh, Khánh Hoà, nơi Bồ Tát
trụ trì vào năm 1914)*

Vào năm 1910, tại bán đảo Cam Ranh, Hoà thượng Thiện Tường khai sơn và trụ trì một ngôi chùa hiệu là Linh Sơn. Đến năm 1914 Tổ Hoằng Thâm gọi Ngài vào chùa Linh Sơn để tham học thêm về mật giáo với Hoà thượng Thiện Tường. Tham học với Hoà thượng Thiện

Tường một thời gian thì Hoà thượng viên tịch, nên Ngài phải ở lại chùa Linh Sơn để cai quản và trông coi.

Đến năm 1917 thì Ngài trở lại chùa Long Sơn để làm tri sự.

Riêng ngôi chùa Linh Sơn cho đến năm 1935, khi quân đội Pháp xây dựng hải cảng quân sự tại bán đảo. Vì lý do này chính quyền thực dân sở tại đã ra lệnh cho chùa phải chuyển vào trong đất liền. Sau đó chùa đổi tên mới là Phước Long Tự. Trước đây chùa thuộc ấp 4, khu phố Cam Linh; nay là khóm 9, đường Phan Bội Châu, Thị xã Cam Ranh.

3. TỔ ĐÌNH THIÊN BỬU (thượng).

(Thôn Đìềm Tịnh, xã Ninh Phụng, Huyện Ninh Hoà. Nơi Ngài tiếp tục tham vấn, cầu pháp sau khi Bổn sư đã viên tịch)

Sau năm năm ở chùa Long Sơn lo việc phụng tự hiếu nghĩa, đến năm 1925 Ngài vào Tổ Đình Thiên Bửu (Thượng), Ninh Hoà cầu pháp với

Tổ Thanh Chánh, Phước Tường, và xin ngài làm y chỉ sư cho mình. Được Tổ Thanh Chánh chấp thuận, Ngài được ban pháp hiệu là Nhơn Tri.

Ngài tu học tại Tổ đình Thiên Bửu đến năm 1927, thì chí nguyện tìm nơi yên tĩnh để nhập thất chuyên tu thôi thúc, Ngài đã tham quan tìm hiểu địa cuộc của các vùng núi như Núi Hoa Lang, Núi Hòn Một, Núi Sầm, Núi Cấm và Núi Đất.

Khi đến hòn Núi Đất, Ngài nhận thấy địa thế u nhã, hữu tình, việc đi lại thuận lợi hơn các nơi. Hơn nữa, nơi đây đã từng là nơi ẩn tu thiền định của Tổ Pháp Thân- Đạo Minh, một bậc chân tu đắc đạo của dòng Chúc Thánh, mà trước đây khi còn ở chùa Long Sơn, sinh thời Tổ Hoàng Thâm, Ngài đã nhiều lần nghe Bổn sư và Sư ông của mình là Tổ Chơn Hương-Thiên Quang thường đề cập đến trong những lúc trà đàm.

Vì thế Ngài cho dựng một thảo am ngay bên tháp Tổ Pháp Thân, một mặt để gần gũi hương khói, một mặt để chuyên tu thiền định. Tại hòn Núi Đất này, Ngài đã nhập thất và thiền định miên mật theo pháp môn thiền mật mà Tổ Hoàng Thâm trước đây đã chỉ dạy.

Sau ba năm hành trì tu luyện trên hòn Núi Đất, Ngài đã đạt nhiều chứng nghiệm về đời sống tâm linh và am hiểu sâu sắc nhiều phương cách chữa bệnh theo mật giáo. Vì vậy đồng bào ở nhiều nơi nghe tiếng, tìm đến hòn Núi Đất để cầu Ngài chữa bệnh rất đông. Đến năm 1935, trên hòn Núi Đất này, Ngài đã khởi công xây dựng ngôi chùa Thiên Lộc.

4. Chùa SẮC TỬ THIÊN ÂN :

(Thôn Phước Thuận, Xã Ninh Đông, Huyện Ninh Hoà. Nơi Ngài đã trú trì năm 1933)

Sau khi Ngài chuyên tu thiền mật ba năm trên hòn Núi Đất, Ngài tiếp tục sống theo hạnh đầu đà, ôm bình bát đi vân du hoá đạo trong các khu vực của Ninh Hoà thêm hai năm nữa.

Đến năm 1933, Ngài được thỉnh về trú trì chùa Sắc Tử Thiên Ân, kế tục Hoà thượng Nhơn Gia là vị trụ trì vừa mới viên tịch. Trong thời gian trụ trì chùa Sắc Tử Thiên Ân, Ngài đã xây dựng lại ngôi chùa rộng rãi và trang nghiêm hơn, sửa sang lại nơi thờ phụng, xây dựng cổng tam quan.

Lúc này các sinh hoạt Phật sự tại chùa càng lúc càng hưng thịnh, đồng bào Phật tử trong vùng ngưỡng mộ đức độ và nhân cách của Ngài về đây thọ trì tam qui ngũ giới rất đông.

Đến năm Đinh Sửu – Bảo Đại thứ 13 (tức năm 1937) do thỉnh cầu của Ngài, chùa được ban phong sắc tứ. Đáng tiếc là sau năm 1975, do sự thiếu hiểu biết, một số người ở địa phương đã thiêu huỷ bản sắc tứ này. Hiện nay chùa chỉ còn lưu giữ được chiếc hộp đựng sắc tứ mà thôi.

Hộp đựng sắc tứ chùa Thiên Ân có chiều dài 70 cm, chiều rộng 15 cm, chiều cao 17 cm. Ngoài ra hiện chùa còn lưu giữ một chiếc cối đá (cao 47 cm, rộng 55 cm, đường kính 38 cm) trước đây Ngài dùng để giã gạo trong chùa và một số văn bản liên quan đến ngôi chùa.

5. Chùa SẮC TỬ THIÊN LỘC :

(Địa Sơn (Núi Đất) Mỹ Trạch, xã Ninh Hà, Huyện Ninh Hoà –Nơi Ngài khai sơn vào năm 1935)

Năm 1935, Ngài trở lại hòn Núi Đất, nơi trước đây Ngài đã rông rã chuyên tu thiền mật tông trong suốt ba năm. Lần này, Ngài trở về Núi Đất với quyết tâm xây dựng ngôi chùa Thiên Lộc. Vì cách đó không bao lâu có một Phật tử thuần thành của làng Phú Hữu –Ninh Ích phát tâm hiến cúng một lượng gỗ lớn đủ để dựng chùa, nên ngài quyết định dùng số gỗ này để xây dựng ngôi chùa Thiên Lộc.

Chùa Thiên Lộc được xây dựng cách tháp Tổ Pháp Thân-Đạo Minh khoảng 25m về hướng Đông Nam.

Bên cạnh chùa Thiên Lộc , Ngài còn xây hai tháp làm bảo tàng. Một để đựng cổ vật và các pháp tượng; một để chứa đựng kinh sách cổ. Cũng trong năm Bảo Đại thứ 11 (tức năm 1935) chùa Thiên Lộc được ban phong sắc tứ. Sau đó Ngài giao cho đệ tử là thầy Thủ Thiên làm trụ trì cai quản.

Đến năm 1946, Pháp lên chiếm chùa Thiên Lộc để làm đồn bót. Vì vậy các pháp tượng , đồ từ khí cũng như bảng hiệu chùa đều phải đem xuống cất giữ ở Tổ đình Sắc tứ Thiên Tứ. Hiện nay vẫn còn bảng hiệu chùa Thiên Lộc. Ngoài

bảng hiệu, đồ từ khí đáng kể nhất là hai cái chuông.

Chiếc chuông thứ nhất : Có đường kính 23,2 cm, chiều cao 26 cm, trên chuông có khắc hàng chữ : **Thiên Lộc Tự** . Bên phải chuông ghi hàng chữ : *Hoà thượng hiệu Nhơn Tri kiến tạo*. Bên trái ghi hàng chữ : *Bính Tý Bảo Đại thập nhất niên thất nguyệt thu*.

Chiếc chuông thứ hai : Có đường kính 23 cm. Chiều cao 35 cm. Chỉnh giữa chuông có khắc chữ : **Thiên Lộc tự**. Bên phải có ghi hàng chữ : *Trú trì hiệu Quảng Đức kiến tạo* ; bên trái có ghi hàng chữ : *Ất Hợi niên, thập nhất nguyệt cát nhật*.

Trong thập niên 1950 –1960, một số người dân ở Ninh Hoà phao tin đồn tại tháp Núi Đất có cất giấu nhiều vàng bạc. Vì thế họ đã lên đập phá hai tháp để tìm kiếm. Do đó hai tháp này hiện nay đều không còn.

6. TỔ ĐÌNH SẮC TỨ THIÊN TỨ

*(Địa Sơn- Núi Đất –Mỹ Trạch –Ninh Hà- Ninh Hoà.
Nơi Ngài đã trụ trì và mở các khoá hạ và khoá Phát
học để đào tạo tăng tài, 1936-1940)*

Năm 1936, sau khi Ngài đã giao trách nhiệm cai quản chùa sắc tứ Thiên Lộc cho đệ tử là thầy Thủ Thiên, Ngài xuống làm trụ trì chùa Sắc tứ Thiên Tứ dưới chân hòn Núi Đất.

Trong giai đoạn này, vì nhận thấy chùa Sắc tứ Thiên Lộc nằm trên cao, có cảnh trí yên tĩnh, nên Ngài dùng làm nơi hướng dẫn các hàng đệ tử căn cơ tu thiền học đạo, phát triển đời sống tâm linh.

Riêng Tổ đình Sắc tứ Thiên Tứ bên dưới, do địa hình gần làng xóm, thuận tiện cho việc đi lại, nên Ngài dùng làm nơi thực hiện việc truyền bá giáo lý và hoằng pháp độ sinh.

Năm 1937, Ngài chứng minh công cuộc trùng tu Tổ đình Sắc tứ Thiên Tứ và xây dựng thêm nhà Đông, nhà Tây. Việc trùng tu xây dựng Ngài giao cho thiền sư Thích Hưng Từ đảm trách, phụ trách công việc trùng tu là hai cha con ông Ngô Đài, pháp danh Đồng Bửu và Ngô Cao Lâu, pháp danh Đồng Xuân. Đây là một gia đình

Phật tử có tín tâm và thuần thành. Trong việc trùng tu chùa , ông Ngô Đài có cúng dường cây gỗ để làm án thờ Phật, tử thờ Tổ, thờ linh và một số bàn ghế, giường, phản...

Ngoài ra, ông Ngô Đài còn cúng dường cho chùa 2 mẫu ruộng, một mẫu dành cho chùa Khánh Long (Mỹ Thuận); một mẫu dành cho chùa Thiên Tứ (Mỹ Trạch) để làm hương hoả ở Đồng Số, cách chùa khoảng một cây số.

Năm Bảo Đại thứ 14 , tức năm Mậu Dần (1938) chùa được ban phong sắc tứ.

Sở dĩ Ngài ra sức trùng tu Tổ đình Sắc tứ Thiên Tứ , vì đây là một ngôi chùa cổ do Tổ Pháp Thân-Đạo Minh. Sinh năm Giáp Tý (1684) tịch năm Quý Hợi (1743) thuộc dòng Chúc Thánh khai sơn vào năm 1743 thời chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (căn cứ theo bài vị thờ tại chùa và năm tạo dựng chùa), lúc ấy đã có nhiều hư hao. Trong các triều Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức do danh tiếng chân tu đặc đạo của Tổ Pháp Thân được nhiều người biết đến. Vì thế, trong các thời này, Tổ đình Sắc tứ Thiên Tứ nhiều lần đã được ban phong sắc tứ.

Từ đó đến nay, chùa vẫn giữ nguyên dáng cũ. Trong chùa hiện còn sót lại một số cổ vật như : hộp gỗ đựng sắc tứ và một số tượng cổ. Một số tượng cổ quý giá đã bị lấy mất. Ngoài ra, chùa hiện còn lưu giữ chiếc giường nằm của Ngài có chiều dài 1m82, chiều rộng 90 cm, chiều cao 45 cm.

Trong những năm 1935-1940, hoạt động Phật sự ở Tổ đình sắc tứ Thiên Tứ vùng Mỹ Trạch, nhờ có sự giúp sức của thiền sư Thích Hưng Từ, nên phát triển khá mạnh mẽ. Thời gian này Ngài cùng với thiền sư Thích Hưng Từ đã mở nhiều khoá hạ và khoá Phật học đào tạo nhiều bậc Tăng tài, với sự tham gia của nhiều vị hoà thượng nổi tiếng như Hoà thượng Vĩnh Thọ, Nhơn Duệ, Nhơn Thị, Thủ Thiên... Số tăng tín tu học tại đây, lúc đó tới gần 100 vị, đến từ miền Nam và các tỉnh miền Trung cũng như ở Ninh Hoà-Khánh Hoà.

Đến năm 1940, Ngài giao cho thiền sư Thích Hưng Từ làm trụ trì và đệ tử là thầy Thủ Thiên làm tri sự Tổ đình Sắc tứ Thiên Tứ.

Điều đáng nói là hiện nay Tổ đình Sắc tứ Thiên Tứ đang thờ linh cốt của Ngài (Bồ Tát Thích Quảng Đức).

7. CHÙA SẮC TỨ KHÁNH LONG :

(Xã Phước Đa – Thị Trấn Ninh Hoà- Nơi Ngài mở trụ sở Hội An Nam Phật học-1936)

Năm 1936, Ngài được thỉnh làm chứng minh đạo sư cho Hội An Nam Phật học Ninh Hoà do ông Hoàng Như Diêm là hội trưởng và đặt trụ sở tại chùa Sắc tứ Khánh Long. Từ đó Ngài đi hoá đạo khắp các vùng trong huyện và vận động thành lập các hội trực thuộc chi hội An Nam Phật học Ninh Hoà. Các khuôn hội được Ngài thành lập trong thời gian này là : Phước Thuận (Chùa Sắc tứ Thiên An, Phước Thuận, Ninh Đông), Mỹ Trạch (Tổ đình Sắc tứ Thiên Tứ –Mỹ Trạch-Ninh Hà); Nhĩ Sự (chùa Thanh Lương, Nhĩ Sự- Ninh Thân); Lạc Bình (chùa Pháp Hải, Lạc Bình-Ninh Thọ); Tuân Thừa

(chùa Khánh Long-Tuân Thừa-Ninh Bình-Ninh Hoà).

8. CHÙA LONG HÀ :

*(Bá Hà-Ninh Thuỳ-Ninh Hoà. Nơi Ngài mở trụ sở
khuôn hội đầu tiên của vùng Ninh Diêm-Ninh
Thuỳ, 1937)*

Chùa Long Hà được Ngài lập làm trụ sở
khuôn hội Phật giáo đầu tiên của vùng Ninh
Diêm- Ninh Thuỳ, khuôn hội trực thuộc chi hội
An Nam Phật học Ninh Hoà.

Hiện nay tại chùa còn lưu giữ một Đại
Hong Chung có chiều cao 93 cm, đường kính 51
cm do Ngài chứng minh đúc vào ngày 16 tháng 5
năm Bảo Đại thứ 16 (tức năm 1941) có ghi hàng
chữ :

*- Sắc tứ Kim Ấn tự Yết ma Hoà thượng
hiệu Vạn Phước chứng minh.*

*- Sắc tứ Thiên Ân tự Yết ma Hoà thượng
hiệu Quảng Đức chứng minh.*

*- Bảo Đại thập lục niên tuế thứ 16 Tân Tỵ
ngũ nguyệt thập lục cát nhật.*

9. CHÙA PHÁP HẢI :

*(Lạc Bình-xã Ninh Thọ-Huyện Ninh Hoà. Nơi
Ngài khai sơn- 1940)*

Chùa Pháp Hải được Ngài xây dựng vào
năm 1940. Ban đầu chùa toạ lạc tại thôn Ngọc
Sơn – Ninh An, đến năm 1946, thì chùa bị giặc
Pháp đốt phá. Do đó cũng trong năm 1946, chùa
phải dời về thôn Lạc Bình- Ninh Thọ và được
dựng lại trong khuôn đất của một Phật tử thuần
thành là ông Nguyễn Văn Chất, pháp danh Đồng
Trực phát tâm hiến cúng.

Đến năm 1947, vì tình nghi Ngài hoạt
động cách mạng, máy bay Pháp thả bom phá huỷ
chùa. Theo lời kể của nhiều vị bô lão trong vùng,

trong hai lần bị giặc pháp đốt phá lần nào chùa cũng bị cháy sạch. Nhưng có điều hết sức lạ lùng khiến mọi người phải kinh ngạc đó là bức chân dung Đức Quán Thế Âm có chiều cao 129 cm, chiều rộng 59 cm, được tôn trí thờ phụng trong chùa, lại không bị hề hấn gì. Sau đó, bức chân dung Đức Quán Thế Âm tiếp tục được tôn trí trong ngôi chùa tranh do thiền sư Thị Cảnh và bà con Phật tử tạm dựng lên để thay ngôi chùa bị cháy. Cho đến năm 1957, Ngài từ trong Nam trở ra, thấy chùa tranh quá sơ sài, nên Ngài đã vận động bà con Phật tử xây dựng lại ngôi chùa Pháp Hải lần thứ ba. Lần này, chùa được dời sang phía bên kia đường, cũng nằm trong khuôn đất do Phật tử Đồng Trực hiến cúng.

Sau khi xây dựng xong chùa Pháp Hải, Ngài giao cho người anh cả của mình là thiền sư Thị Cảnh-Hành Phước-Viên Minh làm trụ trì .

Trong năm 1963, sau khi nhục thân của Ngài được hoả táng, một phần linh cốt của Ngài đã được đem về thờ tại Tổ đình sắc tứ Thiên Tứ và tại chùa Pháp Hải-Ninh Hoà.

10. TỔ ĐÌNH SẮC TỨ LINH SƠN :

(Hiền Lương-Vạn Lương-Vạn Ninh. Nơi Ngài trụ trì từ năm 1941)

Trong năm 1940, Ngài trở lại Tổ đình sắc tứ Linh Sơn làm trụ trì. Đến năm Bảo Đại thứ 17 (tức năm Nhâm Ngọ- 1942), chùa được ban phong sắc tứ. Trong thời gian đảm nhận vai trò trụ trì, Ngài đã trùng tu lại chánh điện và xây lại cổng tam quan, hiện vẫn còn di tích. Nhận thấy chánh điện cũ không được rộng rãi, Ngài dự định xây dựng chánh điện mới rộng rãi hơn, tạo không gian thuận lợi cho Phật tử tu học. Tuy nhiên do điều kiện tài chánh lúc ấy chưa đầy đủ, nên Ngài chỉ xây sẵn được nền chánh điện, mặt hướng ra cổng tam quan. Chánh điện hiện nay của Tổ đình sắc tứ Linh Sơn đã được xây dựng trên cái nền mà Ngài đã thiết lập trước đây. Trong thời gian trú trì tại Linh Sơn, Ngài cũng xin khai khẩn một vùng đất rộng 2 hecta ở phía Đông Nam chùa, một phần để chừa tăng trồng trọt, một phần dự

tính làm nghĩa trang cho Phật tử và đồng bào trong vùng. Hiện chùa vẫn còn lưu giữ một số chứng từ có liên quan tới đất đai được làng xã đã thuận nhượng từ năm 1902.

Cũng trong năm 1941, Ngài đích thân vào tận chùa Thiên Chơn tại Thủ Dầu Một-Bình Dương (nay là Sông Bé) để thỉnh thiền sư Tâm Thanh-Tịch Tràng về trụ trì Tổ đình sắc tứ Linh Sơn. Việc thỉnh thiền sư Tâm Thanh-Tịch Tràng về làm trụ trì là bước chuẩn bị trước cho việc Ngài sẽ rời Tổ đình sắc tứ Linh Sơn để vân du hành đạo trong những năm sắp tới.

11. CHÙA CHI HỘI :

(Địa chỉ : 239 Trần Quý Cáp-Thị Trấn Ninh Hoà. Trụ sở Hội An Nam Phật học Ninh Hoà, thành lập năm 1942)

Chùa Chi Hội được thành lập từ năm 1942.

Tháng 5 năm 1940, Hội mua được miếng đất 9 sào của ông Phạm Thái để xây dựng trụ sở Hội. Việc xây dựng sau đó được tiến hành trong 3 năm. Thượng Lương ngày 16 tháng 7 năm Nhâm Ngọ (1942) do hoà thượng Thích Phước Huệ chùa Hải Đức-Nha Trang và hoà thượng Thích Giác Phong chứng minh.

Việc xây dựng do Ngài (Bồ tát Quảng Đức) cùng quý Phật tử trong ban trị sự chùa vận động đồng bào thập phương góp sức thực hiện.

Chùa Chi Hội được tạo lập xong sau ngày lễ khánh hạ năm Quý Mùi-1943.

Từ đó, Ngài cử đệ tử là thiền sư Đồng Trí-Thông Huệ-Từ Ân (1886-1956) làm trụ trì.

12. CHÙA LẠC SƠN :

(Ngọc Sơn-Ninh An-Ninh Hoà. Nơi Bồ Tát khai sơn-1952)

Chùa Lạc Sơn được khởi công xây dựng từ năm 1952, nguyên do Bồ tát Thích Quảng Đức đứng ra vận động và chứng minh, rồi chỉ đạo cho đệ tử là thiền sư Đồng Trí-Thông Huệ-Từ Ân xây cất và làm trụ trì.

13. CHÙA PHƯỚC HOÀ :

(Lạc Hoà-Ninh An-Ninh Hoà.Nơi Bồ Tát khai sơn - 1957)

Vào năm 1957, Ngài từ miền Nam trở ra, tiến hành xây dựng lại chùa Pháp Hải. Đồng thời cũng trong năm này, Ngài được mời ra đứng đặt tên và chứng minh cho công việc xây dựng ngôi chùa Phước Hoà. Để cho hàng đệ tử và đồng bào Phật tử tại đây có dịp nhớ tới ngôi chùa Phước Hoà ở Bàn Cờ - Sài Gòn mà Ngài đã từng trụ trì, Ngài đã lấy tên chùa Phước Hoà để đặt cho ngôi chùa này.

Sau khi đã đặt tên và chứng minh, Ngài giao lại cho các bậc phụ lão và đồng bào Phật tử trong làng trông coi và tiến hành công việc xây dựng.

14. CHÙA LONG PHƯỚC:

(Thạch Thành-Ninh Quang-Ninh Hoà. Nơi Ngài trụ trì cuối cùng ở tỉnh Khánh Hoà-1959)

Vào năm 1959, Ngài một lần nữa, từ miền Nam trở ra Ninh Hoà. Trong lần trở về này, Ngài đảm trách việc trụ trì chùa Long Phước.

Thấy cảnh chùa quạnh hiu và ẩm đạm, Ngài dự tính xây lại ngôi chùa Long Phước ở vị trí mới trên Núi Cấm cho được rộng rãi và quang đấng hơn. Vì phong cảnh nơi đây đẹp, không khí thoáng mát, đất đai khô ráo không bị ngập nước trong các mùa mưa lũ. Để tiến hành công việc xây dựng chùa, Ngài cho chuẩn bị cây gỗ và vật liệu. Nhưng trong lúc đang chuẩn bị thì xảy ra việc đàn áp Phật giáo tại Huế. Vì thế lập tức Ngài quay vào Nam để tham gia lãnh đạo phong trào vận động và đấu tranh của Phật giáo tại Sài Gòn. Do đó, việc xây dựng chùa Long Phước phải bị bỏ dở.

Về sau, đồng bào Phật tử và các bậc phụ lão trong làng nhớ đến công đức lớn lao của Ngài đối với dân tộc và đạo pháp, cũng như hoài bảo của Ngài dành cho chùa Long Phước, đã tiến hành sửa sang lại chùa. Nhưng không phải xây dựng ngôi chùa mới trên Núi Cấm như sinh thời Bồ Tát đã dự định, mà chỉ là sửa sang lại ngôi chùa cũ.

Trên đây là sơ lược giới thiệu về 14 ngôi chùa miền Nam Trung bộ mà Bồ Tát Thích Quảng Đức đã có công khai sơn, kiến tạo và trùng tu tại Khánh Hoà, xứ Trầm Hương.

Khi có điều kiện và tư liệu sưu tập đầy đủ trong thời gian tới, chúng tôi hy vọng sẽ tiếp tục giới thiệu về 17 ngôi chùa ở miền Nam mà Bồ Tát Thích Quảng Đức đã có công khai sơn, kiến tạo và trùng tu trong thời gian hành đạo ở miền Nam, tại PnômPênh (Campuchia), tại Lào và Myanmar (Miến Điện) để giúp đồng bào Phật tử trong và ngoài nước có cơ hội tìm hiểu thêm phần nào công đức và hành trạng của Bồ Tát Thích Quảng Đức.

(Núi Đất, Mỹ Trạch, ngày 8 tháng 5 năm 2005)

(TƯ LIỆU VÀ CÁC HIỆN VẬT NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU)

1. Tư liệu do chùa sắc tứ Long Sơn cung cấp.
2. Tư liệu do chùa Linh Sơn và ĐĐ. Thích Giác Không cung cấp.
3. Tư liệu do chùa sắc tứ Thiên Ân và ĐĐ. Thích Quảng Căn cung cấp.
4. Các hiện vật liên quan tời Bồ Tát Thích Quảng Đức tại Tổ đình sắc tứ Thiên Tứ.
5. Các tư liệu về Bồ Tát Thích Quảng Đức do hoà thượng Thích Chánh Đạo, Ôn Đồng Trí và cụ Lâm Sâm (cháu Bồ Tát Thích Quảng Đức) cung cấp.
6. Các tư liệu về Tổ đình sắc tứ Thiên Tứ khai thác từ các báo:
 - Báo Khánh Hoà Chủ Nhật ngày 4 -4 - 2004, số 1641.

- Báo Khánh Hoà Thứ Hai ngày 19 - 4 -2004, số 1650.
 - Báo Văn Hoá thông tin Khánh Hoà số 4 năm 2004.
 - Báo Giác Ngộ ngày 3/6/2004, số 227.
 - Báo Giác Ngộ ngày 18/11/2004, số 251.
 - Báo Giác Ngộ ngày 26/5/2005, số 278.
 - Báo Giác Ngộ ngày 2/6/2005, số 279.
7. Tư liệu, phóng sự về Tổ đình Thiên Tứ khai thác qua Đài Truyền Hình Nha Trang (2004)
 8. Tư liệu về Tổ đình sắc tứ Linh Sơn do thượng toạ Thích Thiện Dương cung cấp.
 9. Tư liệu về chân dung Tổ khai sáng các chùa Phật giáo Ninh Hoà- tác giả Trần Đặng(1995) cung cấp.
 10. Tư liệu về Phật Giáo Tu Bông của ĐĐ.Thích Thánh Minh, năm 2002.
 11. Danh mục Tự viện, Tịnh xá, Tịnh thất, Niệm Phật đường tỉnh Khánh Hoà. Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hoà thực hiện (PL.2545) –2001.

12. Tư liệu Danh bộ Tăng, Ni tỉnh Khánh Hoà (PL.2549)-2005,Thượng toạ Thích Quảng Thiện.
13. Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963-NXB. Đại học Quốc gia Hà nội,1999.
14. Phật giáo tranh đấu . Quốc Oai, NXB.Tân Sanh, 1963.
15. Phật giáo Việt Nam. XB.ngày 13/3/1965.
16. Non nước Khánh Hoà-Nguyễn Đình Tư , xb. Năm 1969.

3. Di chúc (lời tâm huyết) của Người.

Trước khi thực hiện hạnh vị pháp thiêu thân tháng 6 năm 1963, Hoà thượng Thích Quảng Đức có để lại một bức thư gọi là lời tâm huyết, nói rõ chủ định và nguyện vọng của Ngài. Điều đáng ghi nhận là thần khí và ý nghĩa bức thư này không chứa đựng một mảy may hận thù và tuyệt vọng, kể cả với chính quyền Ngô Đình Diệm, trái lại còn toát lên tình thương và niềm hy vọng. Điều đó cũng chính là lời tuyên ngôn sâu lắng về lẽ ***tình thương tất thắng hận thù phải thua.***

Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, Hoà thượng trụ trì Chùa Quán Âm, Phú Nhuận (Gia Định).

Nhận thấy Phật giáo nước nhà đương lúc giữa nghiêng, tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi đìem nhiên toạ thị để cho Phật Pháp tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo.

Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau :

- 1. Mong ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên ngôn.*
- 2. Nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường cửu bất diệt.*
- 3. Mong nhờ hồng ân chư Phật gia hộ cho Đại đức Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tai nạn khủng bố bắt bớ giam cầm của kẻ gian ác*
- 4. Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.*

Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở.

Tôi tha thiết kêu gọi Đại Đức Tăng Ni và Phật tử nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo.

NAM MÔ ĐẤU CHIẾN THẮNG PHẬT

*Làm tại Chùa Ấn Quang, ngày mùng 8
tháng 4 nhuận năm Quý Mão.*

*Tỳ kheo THÍCH QUẢNG ĐỨC
Kính bạch.*

4. Di bút của Hoà Thượng Thích Quảng Đức

Ngoài ra, Ngài còn để lại năm bài kệ, có nội dung dặn dò đồng bào Phật tử và đệ tử biết sống theo bát chánh đạo và lục hoà, biết đoàn kết yêu thương và giữ vững niềm tin vào Đạo pháp.

Để ghi nhớ công hạnh của Ngài, sau khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ra đời, Hội đồng Lương viện : Viện Tăng Thống và Viện Hoá Đạo trong một phiên họp trước ngày Phật Đản năm 1964, đã đồng thanh quyết nghị suy tôn Ngài pháp vị Bồ Tát. Sau ngày đất nước thống nhất, nhà nước dùng pháp hiệu của Ngài đặt tên cho đường Nguyễn Huệ cũ chạy qua trước chùa Quán Thế Âm thành đường Thích Quảng Đức, quận Phú Nhuận.

Quả tim Bồ Tát Quảng Đức là chứng minh cụ thể cho tấm lòng của muôn người con Phật luôn yêu chuộng hoà bình, tự do và bình đẳng, nhưng cũng luôn bất khuất trước nạn cường quyền và bạo lực. Trái tim ấy là biểu tượng tinh thần từ bi, vô úy của Phật giáo Việt Nam và là trái tim nhân loại đã và đang đấu tranh mãi cho tự do hoà bình và hạnh phúc nhân sinh.

Chúng tôi xin ghi lại đây năm bài kệ của Bồ Tát Thích Quảng Đức cúng dường chư Phật, cùng Thánh Hiền Tăng, cùng đồng bào Phật tử trong cả nước :

Thơ Di bút của Hoà Thượng Thích Quảng Đức

Kệ Thiêu thân cúng dường vì chánh pháp

Kính dâng thập phương chư Phật :

*Đệ tử hôm nay nguyện đốt mình
Làm đèn soi sáng nẻo vô minh
Khởi thơm cảnh tỉnh bao người ác
Tro trắng phẳng san hố bất bình
Thân cháy nát tan ra tro trắng
Thần thức nương về giúp sinh linh*

*Hỡi ai mộng ảo đang còn mộng
Hãy gấp tính đi kéo giạt mình*

*6-4 nhuận Quý Mão(1963)
Tỳ Khuu Thích Quảng Đức*

Dâng chư Hiền Thánh Tăng:

*Phật giáo sử vàng máu thay son
Than ôi ! Quỷ kế họ vẫn còn
Quyết diệt suy tàn nền Chánh Pháp
Làm cho Tăng, Tín phải chết mòn
Vì sự bất công tôi thiêu xác
Khói hồn nguyện độ kẻ hàm oan
Kính chúc Tăng, Ni tâm dũng tiến
Chánh Pháp ngày mai phải trường tồn*

*8-4 nhuận Quý Mão (1963)
Tỳ Khuu Thích Quảng Đức*

Cùng toàn thể tín đồ Phật giáo :

*Cùng hàng Phật tử tại gia
Hãy quên bản ngã bỏ cái ta
Gấp sửa thân tâm vì đại cuộc
Ngàn năm sử Việt vẫn Phật gia
Thân tôi dù cháy linh thiêng máu*

*Thần thức tôi luôn giúp đạo nhà
Đã mang danh thế con dòng Thích
Bi, Trí, Hùng sao chẳng đem ra.*

*8-4 nhuận Quý Mão (1963)
Tỳ khuu Thích Quảng Đức*

**Cùng hàng Phật tử quy y, thế độ
và xuất gia :**

*Thầy đã đến lúc biệt các con
Ba mươi năm hạnh nguyện đã tròn
Những gì đáng độ Thầy đã độ
Thầy tranh Chánh Pháp lúc mất còn
Gia Định Sài Gòn hồi các con
Hà Tiên, Cai Lậy Thầy vẫn còn
Nam Vang, Núi Lớn Thầy ghi dấu
Khánh Hoà đệ tử vẫn ân son*

*8-4 nhuận Quý Mão (1963)
Tỳ khuu Thích Quảng Đức*

Xuất kệ vân :

*Nên Phật dò lần kiếp tẩy sang
Phủ tay rửa sạch nợ trần gian
Tránh đàng danh lợi tìm nơi tịnh
Niệm chữ Từ Bi lánh cửa quan*

*Chuỗi hột tay lần khuya với sớm
 Kệ kinh tụng niệm vái rồi van
 Một lòng thành kính lòng mình nguyện
 Tịnh độ từ đây rất ở an*
 8-4 nhuận Quý Mão (1963)
 Tỳ khưu Thích Quảng Đức

5. Niên Biểu BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC
từ năm 1948

Năm	Sự kiện
1896	Tổ Hoằng Thâm khai sơn chùa Thánh Kinh
1897	Bồ Tát Quảng Đức ra đời
1898	Tổ Hoằng Thâm mua ruộng cúng chùa Thánh Kinh
1902	Tổ Hoằng Thâm nhận làm trụ trì chùa Long Sơn
1903	Bồ Tát đến ở với Tổ, đổi tên là Nguyễn Văn Khiết

1908 Tổ Hoằng Thâm sáp nhập chùa Thánh Kinh vào chùa Long Sơn, đúc Đại Hồng Chung và đem 22 mẫu ruộng chùa Thánh Kinh : cúng 16 mẫu cho chùa Long Sơn, 3 mẫu cho chùa Long Hoà và 3 mẫu cho Tổ đình Linh Sơn.

Năm	Sự kiện
1914	Bồ tát được gọi vào chùa Linh Sơn ở Cam Ranh tham học với thiền sư Thiện Tường.
1917	Bồ tát làm trụ trì chùa Long Sơn
1921	Tổ Hoằng Thâm viên tịch
1925	Bồ tát vào Tổ đình Thiên Bửu, tham học với thiền sư Thanh Chánh Quảng Đạt Phước Tường (1867-1932)
1927	Bồ tát nhập thất tại Núi Đất
1932	Làm chứng minh cho Chi hội Phật học Ninh Hoà.

1933	Bồ tát trụ trì chùa Thiên Ân
1935	Bồ tát dựng chùa Thiên Lộc tại Núi Đất
1936	Bồ tát xuống trụ trì chùa Thiên Lộc, đúc hai chuông giá trị hiện còn (Chi tiết ghi rõ trong phần 14 ngôi chùa)
1937	Khai sơn chùa Long Hà
Năm	Sự kiện
1940	Bồ tát về trụ trì chùa Linh Sơn
1941	Trùng tu Tổ đình Linh Sơn và chứng minh cho chùa Bảo Sơn dựng lại.Đảm nhận Kiểm tăng cho Chi hội Phật giáo Ninh Hoà.
1942	Bồ tát chủ trì đón nhận bằng sắc tứ chùa Linh Sơn
1943	Trùng tu chánh điện Tổ đình Linh Sơn và mở rộng đất của Tổ đình
1948	Bồ tát rời khỏi đất Khánh Hoà

6. Thế giới nhìn về Người

Cuộc hy sinh phi thường và dũng cảm của Hoà thượng Thích Quảng Đức với hình ảnh Ngài ngồi yên như tượng đá trong ngọn lửa rực hồng đã lan nhanh như một làn sóng điện ra khắp năm châu, làm sôi nổi dư luận trong nước và ngoài

nước. Ảnh của Hoà thượng Thích Quảng Đức ngồi trong ngọn lửa được đăng trên hầu hết các báo năm châu, với những dòng chữ bày tỏ sự khâm phục.

Thực vậy, đối với trong nước, “*Đây là một tấm gương Đại hùng, Đại lực, Tinh tiến bất thoái chuyển*” mà chúng ta vẫn thường nghe nói, nhưng đến nay mới được chứng kiến. Cùng với sự hy sinh của các tu sĩ khác và đồng bào Phật tử khắp nơi, tinh thần vô úy của Ngài là một hồi chuông cảnh tỉnh con người, một tiếng gọi đàn cho hàng tứ chúng. Như ý nguyện của Ngài lấy hành động vị pháp thiêu thân để được làm ngọn “*đèn soi sáng nẻo vô minh*”, soi vào cái chế độ đang hôn ám trong tinh thần bè nhóm và kỳ thị, tối tăm trong thù hận, để “*cảnh tỉnh những ai đang còn ngốc*”. Chính tinh thần ấy đã tiếp thêm sức mạnh lạ thường cho hàng triệu con người trên toàn miền Nam, bất chấp mọi bạo lực lưỡi lê, mã tấu... để xuống đường đấu tranh chống chế độ bạo tàn Ngô Đình Diệm.

Về phía tín đồ Thiên Chúa giáo, ngay từ ngày đầu của cuộc đấu tranh, Linh mục Lê Quang Oánh cùng với 9 linh mục và tín đồ khác

đã gửi đến cho giới lãnh đạo Phật giáo một bức “*Huyết lệ thư*”, lên án chế độ Diệm và bày tỏ sự ủng hộ cuộc đấu tranh của Phật giáo. Sau vụ tự thiêu của Hoà thượng Thích Quảng Đức, ngày 16-6-1963 Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình, cai quản giáo khu Sài Gòn đã chính thức lên tiếng trong một bức thư gửi cho hàng giáo sĩ và tín đồ Thiên Chúa trước khi lên đường đi La Mã dự Công Đồng Vatican II¹ “*Giáo hội không những không gây nên biến cố mà còn đau đớn vì những tai hoạ đã và còn là ác quả của biến cố*”.

Đối với dư luận thế giới : Sự hy sinh của Hoà thượng Thích Quảng Đức là “*hành động tiêu biểu vĩ đại. Nó không chỉ chống lại Diệm, khẳng định sự hiện hữu của Phật giáo phải được quan tâm, mà nó còn có ý nghĩa chống lại sự bất công, bất chính trên toàn thế giới... Với hành động lạng thình, không nói một lời, một vị Hoà Thượng Việt Nam đã nêu một tấm gương sáng rúng động, một kháng nghị cao đẹp, lộng lẫy, chống lại mọi sự*

¹ Nam Thanh, 1964, *Cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam*, Sài Gòn, Viện Hóa Đạo xuất bản, tr. 166

*xấu xa đê hèn của loài quỷ sứ đang còn tồn tại trong thế giới này”.*²

Từ hành động phi thường đó, họ cũng thẳng thắn thừa nhận “*đây là trạng thái mới lạ và huyền ảo của tinh thần bất bạo động. Nó chứng tỏ rõ rệt uy quyền tối thượng của tinh thần mà không một bạo lực nào có thể làm suy giảm hay khuất phục được...*”

Trên tờ báo New York Herald Tribune ngày 21-7-1963 đã viết “*Hoà thượng Thích Quảng Đức, một tu sĩ đã biến áo cà sa vàng của mình thành một giàn hoả thiêu.. Tổng thống Ngô Đình Diệm tại miền Nam Việt Nam đang làm một việc rất lạ là ông đang tự đốt hết nền tảng của chế độ ông*”. Tại Washington ngày 12-6-1963, nhân dân Mỹ đã đón nghe một cách xúc động tin tức cuộc biểu tình tranh đấu của giới Phật tử miền Nam. Vụ tự thiêu đã gây một chấn động mạnh mẽ, đặc biệt khiến cho dư luận Mỹ quay sang chống Ngô Đình Diệm và gia đình y. Trên thực tế, cái chết của Hoà Thượng Thích Quảng Đức thực sự đã làm rung chuyển chế độ Diệm. Nó

² Thích Mãn Giác. Ô. René De Berval. Nguyệt san Liên Hoa, Huế, 27/2/64, trang 37-38

*“có tầm quan trọng rất lớn và chuyển mạnh cuộc vận động của Phật giáo sang một cục diện mới, trên cả hai bình diện quốc nội và quốc tế...”*³

Về dư luận rộng rãi của thế giới trước việc Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, chúng ta có thể hình dung qua nguồn tư liệu mà Malcolm W. Brown đã cung cấp trong “*The New Face of War*”: *Vụ Phật giáo năm 1963 đã làm chấn động các quốc gia ngoài châu Á kể từ khi xảy ra vụ tự thiêu của Hoà thượng Thích Quảng Đức : Hoa Kỳ, Anh, Thụy Sĩ, Bỉ, Úc, Đức ... Tấm hình tự thiêu của Hoà thượng đã được phổ biến khắp thế giới, từ trên bàn giấy của Tổng Thống Hoa Kỳ tới văn phòng của các lãnh tụ Trung Cộng và chính nước Cộng sản này đã cho in ra hàng triệu tấm hình ấy để phân phát đi khắp Á Phi với lời ghi chú : “Một tăng sĩ Phật giáo Việt Nam tự thiêu trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ Diệm”*⁴

³ Bùi Diễm, 2000, *Trong Gọng kèm lịch sử*, Paris, Csx. Phạm Quang Khai, tr. 169

⁴ Hoàng Xuân Hào, 1972, *Phật giáo và chính trị tại Việt Nam ngày nay*, (quyển 1), Luận án Tiến sĩ Luật khoa, Ban công pháp Trường ĐH. Luật khoa, tr. 266

Ở Nhật Bản, sau ngày Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, các báo đã dành những vị trí trang trọng nhất để đăng tin và ảnh như tờ “Asahi Evening News ngày 12/6/1963 đã đăng 3 bức ảnh lớn chiếm gần ¼ trang nhất và các báo khác cũng đều đăng tin tỉ mỉ rõ ràng về vụ này”⁵. Ngày 19/6/1963 Ủy Ban Tôn giáo Bảo vệ Hoà bình và Hội Phật giáo Nhật Bản đã tổ chức cuộc mít tinh phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp tín đồ Phật giáo miền Nam Việt Nam. Cuộc mít tinh đã mặc niệm Hoà thượng Thích Quảng Đức và những người bị chính quyền Ngô Đình Diệm giết hại tại Huế. Ngày 20/6/1963 các tín đồ Phật giáo Nhật Bản do hoà thượng Mibu Sogiun dẫn đầu đến sứ quán Việt Nam Cộng Hoà ở Tokyo trao bản tuyên bố nói trên cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngày 23/6/1963, sau lễ cầu siêu cho tăng, tín đồ Phật giáo miền Nam tử vì đạo, tín đồ phái Tịnh độ Chân tông Nhật Bản cũng gửi 3 điện văn. Bức thứ nhất gửi lãnh đạo Phật giáo miền Nam Việt Nam có nội dung chia buồn và bày tỏ lòng nhiệt thành ủng hộ cuộc đấu tranh. Điện văn thứ hai gửi Ngô Đình Diệm viết : “*Sự kiện đàn áp sát hại Phật*

⁵ Trung Tâm lưu trữ quốc gia II. Ký hiệu tài liệu SC.04-HS.8467

giáo đồ tại Việt Nam gần đây là một việc làm bất tường chưa từng có trong lịch sử. Toàn thể Tăng Ni và tín đồ của Tổng hội Chân tông chúng tôi rất xúc động và phẫn uất khi nhận được tin này”. Điện văn thứ ba gửi Giáo Hoàng Paule VI viết : “Trước mắt chúng tôi việc khủng bố và sát hại Phật giáo đồ tại Việt Nam là một việc xúc phạm đến tự do tín ngưỡng, quyền căn bản của con người. Nhất là việc ấy phát sinh từ một chính sách hà khắc tôn giáo của một chính phủ”.

“Chúng tôi hy vọng Ngài sẽ vì danh dự của Hội Thánh Thiên Chúa tìm cách can thiệp với ông Ngô Đình Diệm, Tổng Giám mục Giáo khu Huế để việc bất công trên khỏi tái diễn”⁶.

Một nhà báo Mỹ Robert Topmiller viết : “Ngày nay, “ngọn đuốc sống” của Ngài vẫn được nhiều người Mỹ quan tâm và nghiên cứu. Đó là một đề tài bất tận đối với giới khoa học phương Tây”. Mục sư Donalds Harrington (Mỹ) tại Nhà thờ lớn ở New York, đã ví cái chết của Hoà thượng Thích Quảng Đức giống như cái chết của Chúa Giêsu, Michel Servetus, Jeanne d’Arc.

⁶ Tuệ Giác, 1964, *Việt Nam Phật giáo tranh đấu sử*, Sài Gòn, NXB. Hoa Nghiêm, tr. 170-171

Ông cũng nhận định hành động mổ bụng của người Nhật cũng không thể so sánh nổi với sự tự thiêu của Hoà thượng Thích Quảng Đức, tuy gan dạ như nhau, mà vì “*sự tự thiêu của Ngài đã cứu vớt bao sinh linh đang chìm đắm trong khổ hận, kẻ đàn áp cũng như kẻ bị đàn áp đều bình tĩnh. Ngài đã tô đậm nét son vào trang sử huy hoàng của Phật giáo và dân tộc VN.*”.

7. Ngày tháng và sự kiện lịch sử từ 1954 – 1963

Đỉnh cao là sự tự thiêu của Hoà thượng Thích Quảng Đức và chư Thánh tử Đạo.

Lược phỏng theo tài liệu của Phước Định- Viện Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam 2006.

Ngày tháng	Sự kiện
1954	Mỹ đưa Ngô Đình Diệm về miền Nam làm Thủ Tướng
3/1955	Thành lập tổ chức Công Dân vụ, một tổ chức đàn áp bằng chánh trị của CQ. Diệm.
1956	Chính quyền Ngô Đình Diệm ra lệnh huỷ bỏ Ngày Phật Đản. Các Linh mục được đưa vào dạy học tại các Đại Học miền Nam-VN
11/01/56	Dụ số 6 v/v thành lập các trại tập trung
20/2/56	Dụ số 13 về việc phủ định quyền tự do báo chí.

Ngày tháng	Sự kiện
24/5/56	Chánh sở Nhà thờ Chánh toà Sài Gòn xin Chính phủ Nam Việt Nam để dựng tượng Đức Mẹ Hoà Bình trước Nhà thờ Đức Bà –Sài Gòn.
26/10/56	Thành lập các tổ chức : Đảng Cần Lao Nhân vị, Thanh Niên Cộng Hoà, Phụ Nữ Liên đới, ban hành Hiến pháp (Đệ I Cộng hoà), bầu cử Quốc hội, khủng bố người đòi thi hành Hiệp định Genève.
1957	Thành lập Liên đoàn sĩ quan Thiên Chúa giáo. Ngô Đình Thục cho mở Trường Đại Học Đà Lạt bằng sự chiếm đất đai của Lê Văn Viễn và 5 triệu đồng tiền công quỹ. Đặt người Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật.
01/3/1958	Công chức phải đến Vĩnh Long (Ngô Đình Thục) học tập chủ nghĩa Nhân vị. Tại đây các linh mục ca ngợi Gia tô, kịch liệt bài xích đạo Phật, công khai buộc họ bỏ đạo Phật.

Ngày tháng	Sự kiện
16/2/1959	Kỷ niệm 300 năm thành lập Giáo hội Thiên Chúa giáo VN. Luật (Dụ) 10/ 59 ra đời. Hình thành Toà An Quân sự
26/4/1960	Trí thức và giới chức họp tại khách sạn Caravelle ra tuyên cáo : Ngô Đình Diệm độc tài, yêu cầu cải tổ chính phủ, cho các đảng phái đối lập tham dự... Nhưng không có kết quả.
11/11/60	Đại tá Nguyễn Chánh Thi, Tư lệnh Lữ đoàn dù đảo chánh chính quyền Ngô Đình Diệm, nhưng thất bại.
13/7/61	Hoà Quang-Tuy Hoà, ai ký tên vào đạo Gia tô thì được trở về nhà làm ăn, không theo bị đánh đập vu khống là Cộng sản.
23/9/61	Sơn Mỹ-Quảng Ngãi, buộc Phật tử phải bỏ đạo, ký đơn vào Gia tô, nếu không thì bị thu thẻ căn cước cá nhân.
23/10/61	Bình Thuận-Quảng Ngãi, trước theo tôn giáo khác nay phải vào Gia tô.

Ngày tháng	Sự kiện
23/10/61	Hà Nhai-Quảng Ngãi, trong lớp Duy linh có nói : Đạo Phật là đường mê muội, tối tăm, chữ Gia tô và Chúa Giêsu là đáng kính (Tư liệu tại Thư viện Phật giáo-TP.HCM)
15/12/61	Phước Thuận-Bình Định Phật tử phải di dân, chùa Phật giáo cải thành nhà thờ Thiên Chúa giáo (Diệm âm mưu chiếm chùa Núi Thành-Quảng Ngãi để làm nhà thờ).
1962	Các tỉnh trưởng, thị trưởng, đứng đầu cơ quan trung ương, địa phương ... đều phải là người của Đảng Cần lao Nhân vị Gia tô (năm 1963 phong trào Phật giáo bùng nổ, 3 tỉnh trưởng Phật giáo duy nhất ở Thừa Thiên, Phú Yên và Đà Lạt liền được thay thế bằng người của Đảng Cần lao...) Sĩ quan, binh lính ... Gia tô giáo được mọi đặc quyền (30/6/63 Donalds Harrington diễn thuyết tại New York cho rằng : <i>Các tiểu đoàn Thiên Chúa giáo được trang bị vũ khí hạng nặng đầy đủ hơn những tiểu đoàn không phải Thiên Chúa giáo</i>).

Ngày tháng	Sự kiện
------------	---------

1962	Ngô Đình Diệm cho thành lập các tổ chức dân sự khác : Thanh niên thôn quê Gia tô giáo, Thanh niên Thánh nghiệp, Sinh viên Thánh mẫu, Phong trào hùng tâm dũng khí, Thanh niên cộng hoà, Đoàn Thanh Sinh công (Thanh niên Sinh viên Công giáo) ...
27/2/1962	Dinh Độc Lập bị ném bom.
Năm 1963	
5/1963	Tuần lễ 5/5 đến 15/5 (nhằm 8/4 -15/4 Al.) Phật đản năm PL.2507 Khánh thành Nhà thờ Đức Mẹ La Vang (trước vốn là chùa Lá Vàng, thờ Phật Quan Âm) Tuần lễ Phật đản Phật lịch 2507 (1963) Thành phố Huế làm cổng chào ở các chùa. Cờ Phật giáo được trang hoàng treo ở khắp nơi. Ngô Đình Diệm (có cả Nhu, Cần, Thục) ra lệnh cho Đồng lý văn phòng Phủ Tổng Thống Quách Tòng Đức “gửi công điện đi khắp nơi phải hạ cờ Phật giáo xuống”
Ngày tháng	Sự kiện

6/5/1963	13 g, Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Đăng đến chùa Từ Đàm truyền chỉ thị của ông cố vấn : không được treo cờ Phật giáo.
20g30'	Công điện 9195 của Phủ Tổng Thống (Cấm treo cờ Phật giáo) được chính thức ban hành và có hiệu lực.
21g	Lãnh đạo Phật giáo miền Trung họp khẩn tại chùa Từ Đàm: phản đối công điện 9195 bằng 3 điện văn gửi cho: 1.Phật giáo Thế giới, 2.Chính quyền Ngô Đình Diệm, 3.Các tổ chức Phật giáo Việt Nam.
07/5/1963	Chính phủ yêu cầu Phật giáo đình chỉ việc gửi điện văn trên. Mời đến họp tại tư dinh Ngô Đình Cần. Ra lệnh cho cảnh sát quốc gia và mật vụ Huế thi hành việc triệt hạ cờ Phật giáo. 14g nhiều khuôn hội đến chùa Từ Đàm báo cáo tình hình: “ <i>Cảnh sát tự tay hạ cờ Phật giáo, giành giật, xé nát, vất xuống đường, công khai đánh chữ, hăm bắt bỏ tù tất cả Phật giáo đồ</i> ”;
Ngày tháng	Sự kiện

18g	Lãnh đạo Phật giáo đến tỉnh toà để phản đối hành động trên.
21g	Họp mật tại chùa Từ Đàm nhận định : Diệm sẽ không từ bỏ chính sách kỳ thị tôn giáo và còn tiếp tục trả thù. Thời cơ đấu tranh chống chế độ Diệm đã đến.
8/5/1963	6g30' sáng Đoàn rước Phật từ chùa Diệu Đế đến chùa Từ Đàm như là một cuộc biểu tình có tổ chức, mở màn công khai cuộc vận động đấu tranh của Phật giáo miền Nam Việt Nam với sách lược : Bình đẳng tự do tín ngưỡng Phật giáo. Bất bạo động Phản đối chính sách bất công Không xem chính phủ Gia tô là đối lập.
20g ngày 8/5/1963	Theo chương trình đã thống nhất : nội dung Lễ Phật đản sẽ được Đài Phát Thanh Huế phát lại, nhưng nó đã bị cắt bỏ.
Ngày tháng	Sự kiện

Tối 8/5/63	Đặng Sĩ đưa xe tăng, lính, cảnh sát, vòi rồng, lựu đạn, trái phá... đến đàn áp khốc liệt, dã man đối với các Phật tử đang vây quanh Đài chờ nghe phát thanh chương trình Phật Đản như chính quyền đã hứa. Kết cục 8 thanh thiếu niên Phật tử bị xe tăng cán nát, rất nhiều người khác bị thương.
9/5/1963	Biểu tình tố cáo sự tàn sát của chính quyền Ngô Đình Diệm
10/5/63	Mít tinh tại chùa Từ Đàm công bố 5 nguyện vọng của Phật giáo đồ miền Nam Việt Nam.
12/5/63	Linh mục Lê Quang Oánh với 9 linh mục khác khối Đồng Tâm gửi lãnh đạo Phật giáo một “ <i>huyết lệ thư</i> ” có nội dung : -Tán đồng quan điểm đấu tranh cho tự do tín ngưỡng. - Lên án sự bất công, giết hại đồng bào vô tội. - Khẳng định nhân nghĩa sẽ thắng Phân ưu vụ việc đau thương xảy ra tại Đài Phát thanh Huế buổi tối ngày 8/5/1963.
Ngày tháng	Sự kiện

14/5/1963	Hoà thượng Thích Thiện Hòa (Ủy viên TW. Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam) gửi điện văn cho Ban Thư ký thường trực Phật giáo thế giới để tố cáo chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo.
16/5/1963	Họp báo tại chùa Xá Lợi công bố tuyên ngôn ngày 10/5/1963 và tố cáo trước dư luận việc đàn áp, giết chóc, giam cầm Phật tử của chính quyền Diệm trong 9 năm.
17/5/1963	Chùa Ấn Quang trưng bày hình ảnh về vụ thảm sát ở Huế.
21/5/1963	Tổ chức lễ cầu siêu theo lệnh của Hoà thượng Thích Tịnh Khiết.
25/5/1963	Tại chùa Xá Lợi, Hội nghị gồm 11 tông phái Phật giáo tham luận về kế hoạch đấu tranh. -Thành lập Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo. - Ra Tuyên ngôn ủng hộ 5 nguyện vọng : Đoàn kết, đấu tranh bất bạo động.
Ngày tháng	Sự kiện

27/5/1963	Hoà thượng Thích Quảng Đức tuyệt thực, gửi tâm thư xin tự thiêu để bảo vệ chánh pháp. Ủy ban Liên phái từ chối nguyện vọng tự thiêu này.
30/5/1963	14g Tăng Ni miền Nam tuyệt thực . 400 Tăng Ni biểu tình ngồi trước trụ sở Quốc hội của CQ. Ngô Đình Diệm.
31/5/1963	Tại chùa Từ Đàm, Đoàn sinh viên Phật tử Huế tố cáo Diệm đã tạo ra chính sách bất bình đẳng tôn giáo, chia rẽ dân tộc, yêu cầu Diệm nhanh chóng thoả mãn 5 nguyện vọng của Phật giáo.
Tháng 6/1963	
01/6/1963	Phật tử tuyệt thực yêu cầu thực hiện 5 nguyện vọng chân chính của Phật giáo.
2/6/1963	Điện khẩn của Đoàn sinh viên Phật tử Huế và Sài Gòn gửi Ngô Đình Diệm yêu cầu nhanh chóng giải quyết 5 nguyện vọng với ý chí sẵn sàng hiến thân mình để đấu tranh..
Ngày tháng	Sự kiện

Ngày tháng	Sự kiện
3/6/1963	Trên 500 sinh viên Huế biểu tình trước trụ sở Đại biểu Chính phủ Cao nguyên Trung phần. Phật tử, sinh viên đến chùa Từ Đàm ủng hộ cuộc tuyệt thực của Tăng Ni, bị cảnh sát chặn lại ở cầu Bến Ngự. Cuộc đàn áp diễn ra với dùi cui, axit, kềm gai... 142 người bị thương, 49 người trọng thương và 35 người bị bắt.
4/6/1963	Ngô Đình Diệm thành lập Ủy ban Liên bộ để nghiên cứu, đề xuất từng bước giải quyết vấn đề ngày 08/5/1963.
6/6/1963	Hội Đàm giữa Ủy ban Liên phái và Ủy ban Liên bộ nhưng bất thành. CQ, Diệm đánh lừa dư luận bằng một thông cáo chung (lần thứ I); Phật giáo phủ định văn bản đó vì thực tế PG. không ký.
08/6/1963	Phong trào Phụ nữ Liên đới (tổ chức do Trần Thị Lệ Xuân sáng lập) lên án những người Phật giáo với lời lẽ thiếu văn hoá và xúc phạm, khiến cuộc đấu tranh Phật giáo được đẩy lên một tầm cao mới.

10/6/1963	: 20g chấp thuận và tổ chức “ <i>hiệu quả nhất</i> ”(Chữ dùng của TT.Thích Thiện Hoa) để Hoà thượng Thích Quảng Đức đạt nguyện vọng tự thiêu “ <i>cứu nguy cho Phật giáo hiện nay</i> ”; “ <i>Củng cố đường Tam bảo, giác ngộ chính quyền</i> ” (Tâm thư của Hoà thượng Thích Quảng Đức) Hoà thượng Thích Quảng Đức lễ tạ Phật và TT.Thích Thiện Hoa. Viết thư gửi TT. Ngô Đình Diệm.
11/6/1963	9g 30 phút Hoà thượng Thích Quảng Đức anh dũng tự thiêu trước sự chứng kiến của hàng ngàn tăng ni Phật tử và quần chúng, trong đó có phóng viên, quan sát viên nước ngoài: Simon Michaud (Thông tấn AFP.), Malcolm Browne (AP. người đã chụp các bức ảnh lúc Hoà thượng tự thiêu), Neil Sheehan (UPI), Harkins (tướng Mỹ ở Sài Gòn)

Ngày tháng	Sự kiện
Chiều 11/6	<p>Ngô Đình Diệm cho phong toả chùa Xá Lợi (nơi đặt nhục thân Hoà thượng Thích Quảng Đức) và cho Đài truyền thanh xuyên tạc hành động <i>Vị Pháp Thiêu Thân</i> này và tuyên bố :”Sau lưng Phật giáo trong nước còn có Hiến pháp, nghĩa là còn có tôi”.</p> <p>Hoà thượng Hội chủ Tổng Hội Phật giáo Việt Nam Thích Tịnh Khiết tuyên bố :”<i>Cái chết vô úy của Hoà thượng Thích Quảng Đức là một hồi chuông cảnh tỉnh cho mọi người, một tiếng gọi đàn cho hàng tử chúng</i>”.</p>
12/6/1963	<p>Lãnh đạo Phật giáo cao cấp ở Huế vào Sài Gòn hiệp nhất đấu tranh.</p>
13/6/1963	<p>Xã luận báo Nhân Dân viết :”<i>Gương hy sinh anh dũng của Hoà thượng Thích Quảng Đức là một sự tố cáo, lên án trước dư luận toàn thế giới chế độ độc tài, cực kỳ tàn bạo của bọn Mỹ Diệm</i>”</p>

Ngày tháng	Sự kiện
16/6/1963	<p>Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình lên tiếng trong một bức thư luân lưu gửi giáo sĩ và tín hữu Ky tô: “<i>Giáo hội Thiên Chúa Giáo hoàn toàn đứng ngoài cuộc tranh chấp mặc dù vai trò chủ động gây ra cuộc tranh chấp là tín đồ Thiên Chúa giáo</i>”.</p> <p>Hơn 70.000 Tăng tín đồ Phật giáo Sài Gòn xuống đường kéo đến chùa Xá Lợi, nơi đặt nhục thân Hoà thượng Thích Quảng Đức bị cảnh sát của Diệm chặn tại Lê Văn Duyệt-Phan Thanh Giản, cuộc đấu tranh quyết liệt xảy ra.</p>
16/6/1963	<p>Ngô Đình Diệm cho chuyên cơ chở quý HT. TT. : Tịnh Khiết, Trí Quang, Mật Nguyễn, Huyền Quang, Thiện Minh... từ Huế vào Sài Gòn để chuẩn bị nhân sự của Ủy ban Liên phái và cùng với Ủy ban Liên bộ hội đàm tại hội trường Diên Hồng. Kết quả Thông Cáo chung ra đời, gồm 2 chữ ký: Hoà Thượng Thích Tịnh Khiết – Tổng Thống Ngô Đình Diệm. (Mục đích: hoãn binh và xoa dịu).</p>

Ngày tháng	Sự kiện
17/6/1963	Biểu tình trước tư dinh của Đại sứ Mỹ Frederic Nolting, vì ông này bênh vực Diệm, tuyên bố với hãng tin UPI. :” <i>Ở Việt Nam không có vấn đề kỳ thị tôn giáo và ngược đãi các Phật tử</i> ”.
18/6/1963	Ngô Đình Diệm cho loa phóng thanh và đánh điện gửi các nơi về nội dung bản Thông Cáo Chung; mặt khác cho Lục Hoà Tăng thành lập Tổng Hội Phật giáo Cổ Sơn Môn để chống lại phong trào Phật giáo đang phát động đấu tranh.
19/6/1963	Văn phòng Phủ Tổng Thống gửi mật điện số 1342/VP/TT cho các miền và Tư lệnh vùng:” <i>Để tạm thời làm dịu tình hình và khí thế đấu tranh quá quyết liệt của bọn Tăng Ni và Phật giáo phản động, Tổng Thống và ông cố vấn ra lệnh tạm thời nhún nhường họ... và đợi lệnh. Một kế hoạch đối phó thích nghi sẽ gửi đến sau... chuẩn bị cho giai đoạn tấn công mới ... thanh trừng những phần tử Phật giáo bất mãn...</i> ”

Ngày tháng	Sự kiện
26/6/1963	Văn thư số : 109/THPG/HC (gửi Ngô Đình Diệm) tố cáo chính quyền không thực thi Thông Cáo Chung: tiếp tục bắt bớ, giam cầm Tăng Ni, Phật tử (Phú Yên , Bình Định, Quảng Trị, Sài Gòn...)
29/6/1963	Tổng hội Phật giáo Cổ Sơn Môn điện cho Hội Phật giáo Sri Lanka tố cáo Tổng hội Phật giáo Việt Nam (chi nhánh Hội Phật giáo thế giới) lợi dụng danh nghĩa Hội để hoạt động chính trị. Yêu cầu Hội lên tiếng phản đối.
30/6/1963	Ủy ban Liên bộ gửi văn thư cho Ủy ban Liên phái giải thích : <i>Thanh niên Cộng hoà không phải là một tổ chức của chính phủ mà là một phong trào quần chúng (Tổ chức này chống lại bản Thông Cáo Chung.)</i>

Ngày tháng	Sự kiện
Tháng 7/1963	
9/7/1963	Nghị định số 358-BNV/KS Ngô Đình Diệm qui định việc treo cờ Phật giáo chỉ dành riêng cho Tổng Hội Phật giáo Việt Nam.
11/7/1963	Văn thư số 16/UBLB của Ủy ban Liên bộ gửi lãnh đạo Phật giáo nói rõ vụ thảm sát 8/5/1963 không thuộc trách nhiệm của chính quyền Ngô Đình Diệm.
12/7/1963	Văn thư số 82 của lãnh đạo Phật giáo gửi chính quyền Ngô Đình Diệm cho rằng “không cần bưng bít hay che đậy, vì quốc ngoại, quốc nội không còn ai không biết những gì tàn khốc đã xảy ra trước mắt hàng triệu người”. - 13 tập đoàn Phật giáo miền Nam viết kiến nghị gửi Ngô Đình Diệm “ <i>Cương quyết phản đối hình thức và dụng ý của Nghị Định 358-BNV/KS và long trọng tuyên bố hợp sức trong mọi cuộc vận động hợp pháp và bất bạo động đến khi</i>

nào nguyện vọng chung của Phật giáo được thực hiện đúng”

Ngày tháng	Sự kiện
14/7/1963	Văn thư số 83 gửi Ngô Đình Diệm, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Hoà thượng Thích Tịnh Khiết khẳng định : <i>“Vì sự tồn vong của Phật giáo... Tôi kính thưa Tổng Thống kể từ hôm nay, với tư cách là lãnh đạo tối cao, tôi thấy có bổn phận chỉ thị cho Tăng Ni và thiện tín phát động một phong trào đòi hỏi sự thực thi bản Thông Cáo Chung dưới hình thức bất bạo động và trong sự tôn trọng các điều khoản của bản TCC. ấy”</i> .
15/7/1963	Trên 200 Tăng Ni biểu tình trước toà Đại sứ Mỹ, đòi Mỹ phải chịu trách nhiệm trước chính sách áp bức. Đoàn đến chùa Xá Lợi tham gia tuyệt thực tại đây.
17/7/1963	Từ chùa Giác Minh (bộ phận lãnh đạo) trên 600 Tăng Ni và hàng ngàn Phật tử xuống đường đòi thực thi Bản TCC. Cuộc biểu tình bị đàn áp dữ dội

bằng dùi cui, phi tiễn, lựu đạn, kềm gai...

Ngày tháng	Sự kiện
17/7/63	Cùng mục tiêu trên, từ chùa Xá Lợi (Thầy Chánh Lạc lãnh đạo) hướng dẫn 300 Tăng Ni và hàng ngàn Phật tử xuống đường tại Bến Thành, bị đàn áp dữ dội. Báo <i>Stars and Stripes</i> số ra ngày hôm sau có viết : “ <i>với sự trợ lực của lính mũ sắt, cảnh sát dã chiến đã dùng báng súng và gậy gộc đánh các người biểu tình, túm cổ vắt họ lên xe camion nhà binh. Rất nhiều người đổ máu. Cà sa vàng của Tăng Ni và áo dài của đàn bà bị xé rách tả tơi, trong khi bị dồn lên xe...</i> ”
19/7/1963	Lãnh đạo Phật giáo gửi văn thư số 94 cho Diệm, khẳng định : “ <i>Toàn thể Tăng Ni chúng tôi... thà cam chịu chết chứ không chịu để lòng tin tưởng của chúng tôi, nơi thành tín của chính phủ bị thực tế đánh đổ một lần nữa...</i> ” Yêu cầu chính quyền giải quyết tất cả các sự việc xảy ra từ Phật đản 8/5/1963.

Ngày tháng	Sự kiện
20/7/1963	Đoàn sinh viên liên giáo hiệu triệu, tổ cáo CQ. Ngô Đình Diệm.
23/7/1963	8g sáng, hai Sư bà Diệu Huệ (thân mẫu giáo sư Bửu Hội) và Diệu Không họp báo tuyên bố: Chính quyền không thực thi Bản TCC. thì sẽ tự thiêu. Bên ngoài chùa Xá Lợi, chính quyền cho tổ chức một cuộc biểu tình giả, mạo danh thương phế binh để lên án, xuyên tạc cuộc đấu tranh của Phật giáo (<i>nhưng ngay hôm sau, 24/7 đại diện số người này gửi thơ lên lãnh đạo Phật giáo nói rõ sự sai trái của lần biểu tình này và bày tỏ sự ủng hộ phong trào đấu tranh của Phật giáo.</i>)
28/7/1963	Chính quyền ra lệnh cấm quần chúng không được tham dự lễ tang Hoà thượng Thích Quảng Đức. Song, có trên 15.000 người biểu tình, hành lễ suốt đoạn đường dài từ chùa Từ Đàm

đến chùa Diệu Đế với khí thế sục sôi đấu tranh.

Ngày tháng	Sự kiện
30/7/1963	Lễ tang Hoà thượng Thích Quảng Đức. Mọi giới đồng bào đình công, bãi thị phản đối sự ngoan cố, độc ác của chính quyền Diệm đối với Phật giáo.
Tháng 8 /1963	
01/8/1963	Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo gửi kháng thư số 124 tới Đại sứ Mỹ Frederic E. Nolting nêu rõ : <i>“lời tuyên bố của ông không đúng sự thật, không phù hợp với sự hiểu biết và thiện chí của người Hoa Kỳ”</i> .
03/8/1963	Nói chuyện với lực lượng Phụ nữ bán quân sự, Trần thị Lệ Xuân đã nặng lời công kích mạ lỵ Phật giáo : <i>Hành động của Phật giáo là một hình thức phản bội, xấu xa (?), Họ đang “nướng sừ”</i> . Tôi còn đánh sừ gấp mười lần như thế nữa! ...Giải

quyết vấn đề Phật giáo là phớt tỉnh, không cần biết đến.

Ngày tháng	Sự kiện
04/8/1963	Đại đức Thích Nguyên Hương tự thiêu trước tỉnh đường Bình Thuận,
12/8/1963	Tại chùa Xá Lợi, nữ sinh Mai Tuyết An tự chặt tay trái mình.
13/8/1963	ĐĐ. Thích Thanh Tuệ tự thiêu tại Phước Duyên. Hơn 30 Phật tử bị thương do bị đàn áp, khi họ quyết đấu tranh bảo vệ nhục thân Đại Đức.
15/8/1963	Trên 1000 sinh viên Huế biểu tình phản đối chính quyền đàn áp tại Phước Duyên. Ni cô Thích Nữ Diệu Quang tự thiêu tại Nha Trang, liền bị chính quyền Diệm cướp thi thể, phong toả Long Sơn, Phật học viện Nha Trang.

Ngày tháng	Sự kiện
16/8/1963	Trường học, chợ búa, xí nghiệp, công sở... tại Huế đồng loạt đình công, phản đối Ngô Đình Diệm.
18/8/1963	Tại chùa Xá Lợi, tổ chức cầu siêu các Thánh tử đạo. Hơn 30.000 Phật tử dự lễ và tuyệt thực tạo khí thế đấu tranh mạnh mẽ.
20/8/1963	Lúc 0g 5' (giữa đêm) mờ sáng 21/8 : Chiến dịch Nước lũ của Nhu được thi hành. Cảnh sát dã chiến, lực lượng đặc biệt mặc quân phục đồng loạt tấn công các chùa, phong tỏa các tu viện lớn nhỏ... bắt giữ Tăng Ni (hơn 2323 người; trong đó Sài Gòn: 728; Huế : 595 cùng các nơi khác) và nhiều Phật tử khắp miền Nam Việt Nam. -Ban hành chế độ giới nghiêm.
21/8/1963	Diệm cho lệnh lùng bắt trên 2500 người đã tích cực bãi công, bãi

khoá,.. đấu tranh cho tự do tín ngưỡng. Nhiều Bộ trưởng, Giáo sư, Khoa trưởng từ chức...

Ngày tháng	Sự kiện
22/8/1963	Giáo chức Sài Gòn tung truyền đơn lên án Diệm tấn công chùa chiền, và kêu gọi trí thức vùng lên đấu tranh.
23/8/1963	Cabot Lodge thay Frederic E.Nolting làm Đại sứ Mỹ tại miền Nam Việt Nam. Đại sứ Sri Lanka và hơn 16 quốc gia khác tại Liên Hiệp Quốc ra công bố, lên án tại miền Nam Việt Nam đã vi phạm nhân quyền Phật giáo. Thiền sư Thích Nhất Hạnh tuyệt thực một tuần trước trụ sở LHQ. và vận động LHQ. cử phái đoàn đến Sài Gòn điều tra tình hình trên. (Từ 24g30' ngày 24/8/1963 đến 18 g ngày 03/11/1963, đoàn gồm 7 người của LHQ. đến và đi vì sự

việc chung tại miền Nam Việt Nam).

Ngày tháng	Sự kiện
24/8/1963	Lodge nhận điện của Toà Bạch cung, có đoạn : "...Nếu TT. Diệm vẫn ngoan cố, thì chúng ta (Mỹ) sẽ đi tới chỗ không thể ủng hộ ông ta nữa... chúng ta sẽ yểm trợ ... trong mọi trường hợp... gián đoạn chính quyền trung ương.
25/8/1963	SV-HS và dân chúng biểu tình phản đối chính quyền trước chợ Bến Thành bị cảnh sát Diệm đàn áp khốc liệt. Nữ sinh Quách Thị Trang bị bắn chết, trên 2000 người bị bắt giam đưa về Trung Tâm Huấn luyện Quang Trung. Diệm ra lệnh cho lực lượng an ninh : bắn chết tại chỗ những ai tụ tập không phép trên đường phố.

Tháng 9/1963

07/9/1963 Học sinh Trường Võ Trường Toản biểu tình đòi Mỹ chấm dứt viện trợ cho Ngô Đình Diệm, nhiều học sinh bị bắt giam.

Ngày tháng	Sự kiện
08/9/1963	Học sinh Trường Kỹ thuật Cao Thắng bãi khoá, HS.Trường Chu Văn An biểu tình, phản đối chính quyền Diệm chà đạp tự do tín ngưỡng. Hơn 1200 hs.bị bắt giam tại An Nhơn-Gò Vấp. Phong trào đấu tranh của Phật giáo đạt đỉnh cao mới. Thư của giới lãnh đạo Phật giáo bí mật gửi cho Tổng thư ký LHQ. và phái đoàn LHQ. đến điều tra tình hình tại Việt Nam Nhiều đoàn thể được thành lập như : Đoàn Thanh niên cứu nguy Phật giáo, Thanh niên Tăng đoàn Việt Nam, Việt Nam Thanh niên cứu quốc đoàn.

Tháng 10/1963

02/10/1963 Mỹ tuyên bố : “Tình hình chính trị Nam Việt Nam còn hết sức nghiêm trọng. Mỹ tiếp tục phản đối các hành động đàn áp tại Nam Việt Nam” (Theo Ellen Hammer).

Ngày tháng	Sự kiện
------------	---------

02/10/63 Tướng Trần Văn Đôn (Tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn) báo cho Trung tá Conein (CIA) về kế hoạch đảo chánh, đề nghị Conein gặp Đại tướng Dương Văn Minh về việc trên.

05/10/1963 11g30'Đại đức Thích Quảng Hương tự thiêu trước chợ Bến Thành, có nhiều phóng viên Mỹ đến quay phim, chụp hình... bị cảnh sát đánh cản. Vụ Phật giáo đấu tranh vẫn còn tiếp diễn, chứ không bị tiêu diệt sau đêm 20/8/1963.

07/10/1963 Đại biểu Sri Lanka tiếp tục tố cáo chính quyền Diệm đàn áp Phật giáo và vi phạm nhân quyền. Đề

ngợi LHQ. cử phái đoàn đến Nam VN. Điều tra thêm về vụ Phật giáo.

24/10/1963 Phái đoàn điều tra của LHQ. đến Sài Gòn.

Ngày tháng	Sự kiện
------------	---------

27/10/1963 10g Đại đức Thích Thiện Mỹ tự thiêu trước Nhà thờ Đức Bà, Sài Gòn, có 4 người trong phái đoàn LHQ. chứng kiến.

Phái đoàn LHQ. gặp riêng HT. Hội chủ Thích Tịnh Khiết.

Phái đoàn vào thăm trại giam của Đại tá Lê Quang Tung để nắm tình hình giam cầm SV, HS. Phật tử tại đây.

30 và 31/10/1963 : Phái đoàn phỏng vấn HT. Thích Trí Thủ, Thượng toạ Thích Quảng Liên, Thượng toạ Thích Tâm Giác, TT.Thích Đức Nghiệp, Thích Thiện Minh, Ông Mai Thọ

Truyền... Sau đó trở về khách sạn tại Sài Gòn lúc 1 giờ chiều

ngày 01/11/1963, tiếng súng “cách mạng” (đảo chánh) bắt đầu nổ.

Ngày tháng

Sự kiện

Tháng 11/1963

Kết thúc giai đoạn lịch sử : Cuộc vận động và đấu tranh hào hùng bi tráng của Phật giáo Việt Nam.

01/11/1963 9g, Cabot Lodge, Felt (Đô đốc Tư lệnh Mỹ ở Thái Bình Dương) vờ ghé thăm Diệm (cầm chân) để lực lượng đảo chánh thuận lợi hành động. Hai ông này rời tư dinh Diệm lúc 11g ngày 01/11/1963.

11g30’ Tiếng súng đảo chánh nổ vang giữa Sài Gòn, Diệm-Nhu bị giết chết,

chế độ độc tài, thâm hiểm và bất chính (sau 9 năm cai trị) ... sụp đổ hoàn toàn. Phong trào đấu tranh của Phật giáo Nam Việt Nam sang trang mới.

2/11/1963 8g sáng, lãnh đạo Phật giáo, thanh niên Phật tử, sinh viên, học sinh... được tự do.

8. Những lời châu ngọc

Bồ Tát Quảng Đức Và Trái Tim Bất Diệt

*-Tịnh Hải-
(Trái Tim Xá Lợi Bất Diệt của Bồ Tát Thích Quảng Đức)*

...Nói về Hoà thượng Thích Quảng Đức, người sống rất giản dị và thật bình dân. Lúc nào tay cũng lần chuỗi, niệm Phật với

gương mặt thản nhiên và miệng luôn như mỉm cười. Những ngày Ngài về chùa Ấn Quang để chờ cấp lãnh đạo Phật giáo chấp thuận tâm nguyện tự thiêu, Ngài ăn cơm cùng với Tăng chúng, chứ không ngồi ăn cùng bàn với Ban Giám đốc Phật Học Đường Nam Việt Chùa Ấn Quang, hay các vị lãnh đạo Phật giáo.

Nói thế để mọi người thấy rằng, Ngài mang tâm nguyện Bồ Tát vào đời hành đạo bao giờ cũng thể hiện đời sống bình dị, pháp tu đơn giản của Phật dạy. Pháp tu đơn giản ở đây chính là pháp môn niệm Phật. Có lẽ vì đơn giản như thế mà người đời xem thường, từ chỗ xem thường đưa đến khó tin vào năng lực của pháp môn niệm Phật, như Kinh A Di Đà đã nói : “*nan tín chi pháp*”. Nghĩa là pháp môn niệm Phật vãng sanh cực lạc đơn giản mà hiệu năng vô cùng. Vì vậy mà người đời khó tin ...

Trích từ ***Ánh Đuốc Quảng Đức***
Hoà thượng Thích Đức Nhuận

...Ngọn lửa Quảng Đức đã thấp sáng thời đại chúng ta, một thời đại chiến tranh hận thù đang bao trùm lên thân phận con người (mà) tâm tư thì chứa những lo âu, buồn chán, nghi kỵ, sợ sệt và mất niềm tin!

Cách 9 ngày sau ngày tự thiêu, 20/6/1963 nhục thể Hoà thượng Thích Quảng Đức được rước từ chùa Xá Lợi đi theo đường Trần Quốc Toản về An Dưỡng Địa ở Phú Lâm để làm lễ hoả thiêu. Chính quyền nhà Ngô sợ làn sóng người đưa tang nên đã hạn chế, chỉ cho phép 200 Tăng Ni tham dự và

buộc phải đi bằng xe hơi. Suốt dọc hai bên lề đường dài hàng cây số, các Phật tử đứng đong nghệt để chờ chiêm bái kim quan một vị cao tăng đã tự thiêu thân để bảo vệ chánh pháp.

Ngọn lửa thiêu với sức nóng hàng ngàn độ không đốt cháy được trái tim kim cương bất hoại của vị Bồ Tát “vị pháp thiêu thân”. Ngọn lửa Quảng Đức không chỉ làm chấn động lương tâm nhân loại trên khắp thế giới mà còn đốt luôn một chế độ hà chính bất công, thối nát, sau 9 năm cai trị miền Nam khiến người dân phải sống cuộc sống trong quần quai đau thương, tủ nhục...

Lửa từ bi

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương

*Lửa, lửa cháy ngất toà sen,
Tám chín phương nhục thể trần tâm hiện*

*thành thơ, quỳ cả xuống
Hai vầng sáng rưng rưng
Đông Tây nhòa lệ ngọc
Chấp tay đón một mặt trời mới mọc
Anh Đạo vàng phơi phới đang bình lên,
Dâng lên
Ôi đích thực hôm nay trời có mặt
Giờ là hoàng đạo nguy nga
Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt
Nhìn nhau: tình huynh đệ bao la
Nam mô Đức Phật Di Đà
Sông Hằng kia bởi đâu mà cát bay.
Thương chúng sinh trầm luân bể khổ
Người rẽ phăng đêm tối đất dày
Bước ra ngòi nhập định hướng về Tây
Gọi hết lửa vào xương da bỏ ngổ
Phật pháp chẳng rời tay
Sáu ngã lu6an hồi đầu đó
Mang mang cùng nín thở
Tiếng nấc lên từng nhịp bánh xe quay
Không khí vạn mình theo, khóc òa lên
nổi gió
Người siêu thăng ... giông bão lắng từ đây
Bóng người vượt chín tầng mây
Nhân gian mát rượi bóng cây Bồ đề.*

Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc
Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi
Chỗ người ngồi, một thiên thu tuyệt tác
Trong vô hình sáng chói nét từ bi.
Rồi đây... rồi mai sau... còn chi ?
Ngọc đá cũng thành tro, lụa tre dần mục nát
Với thời gian, lê vết máu qua đi
Còn mãi chữ, còn trái tim Bồ tát
Đội hào quang xuống chốn A tì
Ơi ngọn lửa huyền vi ...
Thế giới ba nghìn, phút giây ngơ ngác
Từ cõi vô minh
Hương về cực lạc
Vân điệu thi nhân chỉ còn là rơm rác
Và cũng chỉ nguyện được là rơm rác
Thơ cháy lên theo với lời kinh
Tụng cho nhân loại hoà bình
Trước sau bền vững tình huynh đệ này
Thở thức nghe lòng trái đất
Mong thành quả phúc về Cây
Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Đồng loại chúng con nắm tay nhau tràn
nước mắt
Tình thương hiện tháp chín tầng xây

(Viết tại Sài Gòn ngày 15 tháng 7 năm 1963 để tưởng
niệm Hoà thượng Thích Quảng Đức)

Tỳ kheo Thích Trí Quang

(Trích Hồi ký chưa xuất bản của tác giả)

...Trước đây tôi không quen biết với Ngài, chỉ gặp một lần khi Ngài trú trì chùa Phước Hoà, biết Ngài chuyên tâm trì tụng và lễ bái Pháp Hoa. Giai đoạn trước khi Ngài tự thiêu tôi cũng chỉ biết mỗi một bức thư nói trên. Sau này mới biết, trước khi tự thiêu, Ngài chuẩn bị một cách chân thành, bình dị và kín đáo. Vẫn trì tụng lễ bái Pháp Hoa hằng ngày. Vẫn sinh hoạt bình thường. Tế nhị lắm mới thấy Ngài có vẻ như người sắp đi xa. Quan trọng nhất là di chúc của Ngài. Một vị tân tỳ kheo gần Ngài mà đến hôm Ngài sắp tự thiêu mới biết được ý nguyện và bản di chúc ấy.

Bản di chúc bình dị, chân thành, quan trọng nhất là ý thức chứa đựng bên trong. Chính ý thức này chứa đựng tâm nguyện Bồ tát của Ngài.

Không oán trách cả đến ông Diệm, Ngài chỉ nói tự đốt thân mình để cầu cho ông sáng suốt... Ngoài di chúc, Ngài còn một tấm ảnh và một quả tim. Về tấm ảnh, một ký giả chụp được lúc ngọn lửa bùng lên gần khắp người Ngài rồi, còn lại chỉ có một bên vai, gần một nửa trên đầu, trán cũng đã có lửa, chỉ mặt còn nguyên. Chính trong lúc như vậy mà nét mặt Ngài hoàn toàn bình thản, siêu thoát, không một nét nhăn hay một chút rúng sức. Bức ảnh này đạt giải thưởng quốc tế. Lại nghe nói lửa bùng lên hoàn toàn mà Ngài vẫn an toạ. Cho đến lửa tắt, một tấm hình khác cho thấy Ngài ngồi như pho tượng đồng đen. Sau đó một lúc, Ngài mới gật đầu xuống như thể cúi chào tăng ni Phật tử, rồi nhẹ nhàng bật ngửa người ra... Tình trạng Ngài tự thiêu, nghe nói cực kỳ bi tráng, cho đến nay vẫn là không tiền khoáng hậu.

...Nay hãy nói đến sự kiện quan trọng nhất là quả tim của Ngài, “quả tim Quảng Đức”. Việc hoả thiêu nhục

thân của ngài là do thầy Thiện Hoà chủ trì. Thiêu rồi lấy ra, trong đồng tro tàn còn một khối thịt mà vị trí cho biết đó là quả tim. Thầy Thiện Hoà cho vào lò thiêu lại cũng vẫn không cháy. Lại thiêu nữa nhưng xăng hết. Bấy giờ rất đông ký giả hiện diện. Họ chạy kiếm xăng giúp. Bấy giờ chỉ họ mới đi lại dễ dàng. Họ kiếm được mấy can xăng super. Dem thiêu kỹ, nhưng lấy ra vẫn không cháy. Việc này làm cho tôi tin, xưa, ngài La Thập sau khi hoả thiêu cái lưỡi vẫn còn. Nhưng ở đây mọi thắc mắc dị nghị hoàn toàn không có được nữa. Vì đây là việc mà trên dưới 50 ký giả, đa số là ký giả quốc tế, không những cũng chứng kiến mà còn dự vào.

...Ở đây chỉ nói khi hoả thiêu Ngài rồi, tôi thảo để ngài Hội chủ ký một thông bạch. Cuối thông bạch ấy tôi viết “Cầu nguyện vị nhục thân Bồ tát gia hộ cho cuộc vận động của Phật giáo được thành tựu” và niệm “*Nam mô đại hùng đại lực Quảng Đức Bồ tát*”. Hồng danh Bồ tát Quảng Đức

khởi đầu từ đó. Hồng danh ấy và Bồ tát Quảng Đức, cho đến nay chính những người duy vật cũng không thể không công nhận. Một trong những sự bất diệt của cuộc vận động 1963 là sản xuất một vị Bồ tát...

...Dân tộc Việt Nam có lắm vĩ nhân. Nhưng Bồ tát Quảng Đức là vĩ nhân mà siêu nhân.

*9. Trái Tim Bồ Tát Quảng
Đức -
Vì sao không cháy ?*

*(Tóm lược bài viết của Mật Nghiêm Đặng Nguyên
Phủ đăng trên Nhật báo “Người Việt Hoa Kỳ”)*

... Mười ba năm sau ngày Bồ tát Quảng Đức tự thiêu, tôi được nghe một Bạn Đạo của Ngài kể lại “ Vì sao Ngài để lại trái tim ” như một huyền thoại thời đại, mà hơn 40 năm qua, người Việt Nam luôn bị ám ảnh bởi câu hỏi :Tại sao trái tim của Ngài không bị đốt cháy? Câu hỏi này không chỉ ám ảnh đối với người bình thường, mà còn ám ảnh cả với giới các nhà khoa học, nhiều nhà thần học cũng như các nhà nghiên cứu về những điều kỳ diệu của thế giới vô hình.

Người kể là Hoà thượng Thích Thanh Long, khi đi học tập cải tạo năm 1976 (vì thầy là Nguyên Giám Đốc Nha Tuyên Úy Phật giáo thời VNCH.). Trong

thời gian này tác giả tự nhận đã học hỏi được rất nhiều về Phật pháp, về đức độ và công hạnh của Hoà thượng Thanh Long. Trong một dịp chuyện trò, tác giả đặt câu hỏi chuyện Trái tim Ngài Quảng Đức có thật không và chuyện xảy ra như thế nào?

Hoà thượng Thanh Long đã trừng mắt nhìn tôi (tác giả) rồi nói : “Đó là sự thật một trăm phần trăm, thế cậu không tin à ?” -Ngài thường dùng chữ cậu để xưng hô cho thân mật theo kiểu Bắc, thay vì dùng chữ anh hay đạo hữu – Và tôi trả lời: “Không phải con không tin về chuyện trái tim có thật hay không. Điều con thắc mắc là tại sao thiêu mà trái tim không cháy” .

Hoà thượng đã mỉm cười và ôn tồn : “Chính chúng tôi cũng không ngờ và chính tôi là nhân chứng về chuyện này, giờ tôi kể cho cậu nghe”. Rồi Ngài thuật lại như sau :

“ Tôi không nhớ rõ thời gian bao lâu trước ngày Thầy Quảng Đức tự thiêu. Trong một buổi họp kín giữa những thành

phần lãnh đạo cuộc đấu tranh Phật giáo tại chùa Xá Lợi trong đó có tôi. Sau khi bàn thảo xong các việc, đến phần cuối thì Thầy Quảng Đức giơ tay xin ghi tên tự thiêu. Vì là chỗ thân tình, mà cũng để đùa với ông, nên tôi nói :“ *Này thầy ơi! Mấy vị thiền sư khi chết thường để lại xá lợi đấy nhé. Vậy thầy định để lại cái gì?*”. Ngay lúc đó, theo phản ứng tự nhiên ông trả lời tôi : “ *Để lại trái tim được không ?*” Tôi đáp : “ *Được chứ, tốt lắm, tốt lắm*”. Sau buổi họp hôm đó, tôi gọi taxi đưa Thầy Quảng Đức về chùa Quán Âm trước, rồi sau mới về chùa mình. Thời gian tiếp theo vì bận Phật sự và việc đấu tranh tôi cũng quên đi chuyện này.

Đến ngày 20 tháng 4 năm Quý Mão tức ngày 11 tháng 6 năm 1963 thì Thầy Quảng Đức tự thiêu tại ngã tư Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt vào lúc 11g trưa. Khi đó tôi đang ở chùa Xá Lợi họp. Lúc đó tình hình rất căng, vì nằm trong thành phần lãnh đạo nên tôi ở luôn tại chùa Xá Lợi để được bảo vệ chứ không về chùa nữa. Nhục thân Thầy Quảng Đức

được mang về chùa Xá Lợi nên các Phật tử thường xuyên đến viếng ngày đêm hàng nghìn người. Mãi năm ngày sau mới đem xuống thiêu tại An Dưỡng Địa-Phú Lâm.

Vào chiều ngày 16-6-1963, một thầy trẻ phụ trách việc thiêu đã chạy về chùa Xá Lợi bạch rằng đã thiêu xong, nhưng không hiểu sao trái tim chưa bị rã, tôi và các vị lãnh đạo cho lệnh tiếp tục thiêu thêm 6 giờ nữa. Sáng ngày hôm sau, cũng thầy trẻ trên đã về chùa Xá Lợi tay cầm trái tim màu nâu cùng với nước mắt đầm đìa, nói rằng đã thiêu thêm lò điện không chỉ 6 giờ mà đến 10 tiếng đồng hồ nhưng trái tim vẫn còn, nên đành chịu mà phải mang về trình lên Hội đồng Viện. Lúc đó, tôi nghĩ rằng trái tim thuộc loại cơ nhục nên có lẽ không cháy, thôi thì để thờ. Bốn ngày sau, một Thượng toạ bên Nguyên Thủy viên tịch cũng đem thiêu thì cốt thành tro hết, lúc đó tôi mới suy nghĩ và nhớ lại câu nói đùa của tôi và lời hứa của Thầy Quảng Đức trong ngày ghi tên xin được tự thiêu. Và tôi tự giải thích

rằng :Trong khi Thầy Quảng Đức ngồi thiền để tự thiêu thì Thầy đã dùng lửa Tam Muội là một thứ nội hoả đốt đi trái tim của mình, khiến trái tim đã hoá thạch mà lửa thường không thể đốt nổi Lửa Tam Muội đã khiến trái tim Thầy Quảng Đức thành Kim Cang bất hoại”

Trên đây là những lời Hoà thượng Thanh Long kể lại cho tác giả, chuyện trái tim 24 năm về trước được ghi lại. Kể từ ngày Ngài Quảng Đức tự thiêu đến nay đã được 44 năm, nhân dịp nơi đó đang xây dựng tượng đài Kỷ Niệm Nơi Bồ tát hoá thân, tôi “góp nhặt cát đá” mỗi nơi một ít viết nên những giòng này để cúng dường Ngài và cố Hoà thượng Thanh Long (Giác Minh), người đã từng biểu diễn những nước cờ cao tuyệt khi tôi còn là chú bé đem thơ cho Hoà thượng và xem Ngài đánh cờ với khách.

10. Trái Tim Xả Lợi Hiện Nay Ở Đâu?

*...Rồi đây... rồi mai sau... còn chi?
Ngọc đá cũng thành tro, lụa tre dần
mục nát
Với thời gian, lê vết máu qua đi
Còn mãi chứ, còn trái tim **Bồ tát**
Đội hào quang xuống chốn A tì
Ơi ngọn lửa huyền vi ...
Thế giới ba nghìn, phút giây ngỡ
ngác
Từ cõi vô minh
Hướng về cực lạc...*

Trái tim Bồ tát Quảng Đức đã trở thành huyền thoại thời đại, có người đã nói như thế. Nhưng nói thế cũng chưa đúng bởi huyền thoại mang tính thần thoại hoang đường không biết đâu mà kiểm chứng..., còn trái tim của Ngài cũng mang tính thần thoại vì không thể dùng

hiểu biết thông thường mà hiểu được, nhưng là chuyện thực với biết bao nhân chứng trong và ngoài nước. Chính quyền nhà Ngô cũng hoảng hốt trước chuyện **trái tim bất diệt**, nên họp khẩn tại Dinh Độc Lập và ra lệnh cho bác sĩ Trần Kim Tuyến, trùm mật vụ của chế độ đến chùa Xá Lợi để khám nghiệm quả tim.

Bằng những chất hoá học và phương tiện khoa học hiện đại, bác sĩ Giám đốc Sở Tình báo của Ngô triều đã sử dụng hết các ngón nghề và năng lực, nhưng ông thở dài, chấp tay vái lạy rồi rút lui. Về đến Dinh ông báo cáo : “*Chúng ta nên hoà với Phật giáo thì hơn, vì đúng là họ có quả tim bất diệt*”. Bà Ngô Đình Nhu lồng lộn, họp với chồng, ngay những ngày sau đó, tổ chức chiến dịch Nước Lũ (đêm 20/8/1963) ra lệnh tấn công đồng loạt vào các chùa, bắt giam tất cả Tăng Ni toàn quốc. Kể cả các vị lãnh đạo trong Ủy Ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo (vừa mới họp với Ủy Ban Liên bộ của chính phủ xong) tại chùa Xá Lợi.

Trong đêm đó, cảnh sát Diệm Nhu toan tính đoạt lấy **Trái Tim Xá Lợi**, nhưng một Thiếu tá cảnh sát đã nhanh tay cất giấu **Trái Tim Xá Lợi** ấy, toán cảnh sát quynh quáng tìm kiếm khắp nơi mà không ra. Sau khi tình hình yên ổn, vị Thiếu tá ấy- là một Phật tử – đem hoàn lại vật thiêng cho quý vị lãnh đạo Phật giáo tại chùa Xá Lợi. Sau đó Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo đưa vào tủ sắt đem gởi tại Ngân hàng Thụy Điển tại Việt Nam.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, tủ sắt cất giấu quả tim cũng bị mở xét. Quả tim vẫn còn nằm trong chiếc hộp, trên hộp có niêm phong bằng một sợi dây dẹt bằng đồng khảm hình chữ thập và có hai hàng chữ : *Lệnh niêm phong của Đức Tăng thống Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Nghiêm cấm không ai được mở khi chưa có lệnh*. Hôm ấy, dây niêm phong hình chữ thập bị cắt đứt một góc, còn ba góc vẫn nguyên. Như vậy quả tim chưa rời khỏi hộp.

Sau năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập. Đức Pháp chủ gửi thư đến cơ quan có thẩm quyền hỏi về quả tim. Thế rồi có một buổi họp gồm đủ các thành phần có quyền quyết định bảo vệ quả tim.

Văn bản ký gửi quả tim lần thứ ba vào lúc 11 giờ ngày 26 tháng 4 năm 1991, được mang số hiệu : 03.BB.TG.

- Thành phần có trách nhiệm :
- **Bên gửi :**
 - Hoà thượng Thích Thiện Hòa - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
 - Hoà thượng Thích Từ Nhơn - Phó Trưởng ban Tăng sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
 - Thượng toạ Thích Giác Toàn - Ủy viên kiểm soát Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
- **Bên nhận :**
 - Ông Trịnh Thanh Tùng - Vụ phó Vụ phát hành kho quỹ Ngân hàng Nhà Nước.

- Bà Trần Thị Kim Liên - Kế toán Ngân hàng Nhà Nước.
- Ông Nguyễn Văn Ngọc - Vụ phó Vụ Tôn giáo Trung Ương.
- Ông Phạm Văn Hùng - Giám đốc Bảo tàng Cách mạng TP. Hồ Chí Minh.
- Ông Bùi Văn Hàn - Cục phó Bộ Nội vụ.
- Ông Đỗ Quốc Dân - Phó ban Tôn giáo TP.HCM.

Đây là một bảo vật vô giá, chẳng những của Phật giáo Việt Nam mà còn là bảo vật của tổ quốc Việt Nam, nên văn bản trên đã được ký kết để gửi tại Ngân Hàng Nhà Nước với các thành phần như trên.

Phần trên, trước 1975, sử dụng tài liệu của Tịnh Hải- **Trái Tim Xá Lợi bất Diệt của Bồ Tát Thích Quảng Đức.**

Phần sau 30/4/1975, trích từ báo cáo khoa học của Sa môn Thích Thông Bửu, trụ trì chùa Quán Thế Âm – trong Kỷ Yếu Khoa Học **Bồ Tát Quảng Đức- Ngọn lửa và Trái Tim** - Viện Nghiên Cứu Phật học Việt Nam.

Lửa từ bi

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương

*Bóng người vượt chín tầng mây
Nhân gian mát rượi bóng cây Bồ đề.
Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc
Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi
Chỗ người ngồi, một thiên thu tuyệt tác
Trong vô hình sáng chói nét từ bi.*

*Rồi đây... rồi mai sau... còn chi ?
Ngọc đá cũng thành tro, lụa tre dần mục nát
Với thời gian, lê vết máu qua đi
Còn mãi chút, còn trái tim Bồ tát
Dội hào quang xuống chốn A tì
Ơi ngọn lửa huyền vi ...*

Thạc sĩ PHẠM VĂN CẢNH
Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Những Ký niệm không quên
VỀ BỒ TÁT
QUẢNG ĐỨC